



**BẢN TIN**

# HÀNG RÀO KỸ THUẬT TRONG THƯƠNG MẠI TỈNH NINH BÌNH

QUÝ I/2026

TBT NINH BÌNH

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NINH BÌNH  
CHI CỤC TIÊU CHUẨN, ĐO LƯỜNG VÀ CHẤT LƯỢNG



*Ông Nguyễn Nam Hải - Chủ tịch Ủy ban TCDLCL Quốc gia và ông Vũ Khánh Xuân - Chủ tịch Hội Đo lường Việt Nam trao kỷ niệm chương vì sự nghiệp đo lường năm 2026 cho các tập thể, cá nhân*

*Ảnh: tcvn.gov.vn*

**TBT NINH BÌNH**

Địa chỉ: Số 8 - Đường Lê Hồng Phong - Phường Hoa Lư - Tỉnh Ninh Bình  
Email: [ninhbinhtbt@gmail.com](mailto:ninhbinhtbt@gmail.com)/ Website: <https://sokhcn.ninhbinh.gov.vn>  
Điện thoại : 02293 871735



**Chịu trách nhiệm xuất bản**  
**TS. VŨ QUỐC ĐẠT**  
**Chi cục trưởng- Trưởng ban**

**Ban biên tập**

TS. Vũ Quốc Đạt - Trưởng ban  
ThS. Trịnh Đình Thề - Phó trưởng ban  
ThS. Hà Trang Nhung - Thành viên  
Cn. Nguyễn Thị Hoa - Thành viên  
TS. Ngô Văn Nhung - Thư ký

**TRONG SỐ NÀY**

**1. Chuyên mục: HÀNG RÀO KỸ THUẬT TRONG THƯƠNG MẠI**

- Khảo sát doanh nghiệp WTO-ICC làm rõ cơ hội và thách thức trong việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong thương mại.
- Quan ngại thương mại về đề xuất quy định an toàn đồ chơi của Liên minh Châu Âu (EU).
- Danh mục thông báo dự thảo mới về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của các nước thành viên WTO ban hành trong Quý I/2026.
- Thông báo về biện pháp TBT của một số nước thành viên WTO, doanh nghiệp cần chú ý.
- Danh mục văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam mới ban hành Quý I/2026 doanh nghiệp cần chú ý.

**2. Chuyên mục: BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG**

- Kết quả kiểm tra nhà nước về đo lường tại các cơ sở sản xuất hàng đóng gói sẵn trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.
- Truy xuất nguồn gốc trong nền kinh tế số.
- Hội thảo “Đánh giá, tổng kết thi hành Luật Đo lường và định hướng sửa đổi một số điều của Luật Đo lường; Lễ kỷ niệm ngày Đo lường Việt Nam”.

**3. Chuyên mục: DOANH NGHIỆP VÀ TBT**

- Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.
- Một số chính sách hỗ trợ tài chính trong hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.
- Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.
- Quy định về hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường.
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thiên nhiên thương phẩm.
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn và tương thích điện từ đối với sản phẩm chiếu sáng bằng công nghệ LED.
- Giải thưởng chất lượng Quốc gia - động lực thúc đẩy doanh nghiệp phát triển bền vững trong giai đoạn mới.
- Ý nghĩa ngày Đo lường Việt Nam (20/01/1950 - 20/01/2026).
- Ninh Bình tăng cường triển khai hoạt động hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT), hỗ trợ doanh nghiệp hội nhập hiệu quả.
- Tăng cường tuân thủ quy định về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trong kinh doanh xăng dầu.
- Phát hiện nhiều kim loại nặng trong sữa công thức tại Mỹ.
- Công cụ cải tiến Lean giúp doanh nghiệp ngành cao su nâng cao năng suất.

**Hàng rào kỹ thuật trong thương mại hay gọi tắt là TBT, viết tắt của cụm từ tiếng anh “Technical Barrier to Trade”.**

**TBT chính là các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hay quy trình đánh giá sự phù hợp có khả năng tạo ra rào cản, gây khó khăn hoặc cản trở hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.**

**Bản tin Hàng rào kỹ thuật trong thương mại luôn cập nhật các tin tức về các tiêu chuẩn, quy chuẩn mới ban hành và dự thảo về các quy định mới của các nước thành viên, là tài liệu hữu ích giúp các tổ chức, doanh nghiệp tránh được các rào cản kỹ thuật tiềm ẩn và hoạch định chiến lược cho doanh nghiệp, góp phần phát triển vào nền kinh tế bền vững của quốc gia.**

**Các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân gặp những vướng mắc về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng vui lòng liên hệ về Ban biên tập Bản tin TBT Ninh Bình để được giải đáp.**

**Điện thoại 02293. 871735 hoặc email: [ninhbinhtbt@gmail.com](mailto:ninhbinhtbt@gmail.com).**

**KHẢO SÁT DOANH NGHIỆP WTO-ICC LÀM RÕ CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC TRONG VIỆC ỨNG DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO (AI) TRONG THƯƠNG MẠI**

Ngày 11 tháng 12, Ban Thư ký WTO và Phòng Thương mại Quốc tế (ICC) đã công bố kết quả khảo sát chung trên đối tượng doanh nghiệp về phương thức áp dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong việc hỗ trợ các hoạt động liên quan đến thương mại của họ.

Khảo sát được tiến hành dựa trên phản hồi của 158 doanh nghiệp với quy mô khác nhau thuộc nhiều ngành công nghiệp, khu vực và trình độ phát triển kinh tế - nêu bật tiềm năng của AI trong việc thúc đẩy sự tham gia toàn diện hơn vào thương mại toàn cầu và nhấn mạnh nhu cầu cấp thiết phải giải quyết những khoảng trống trong việc áp dụng AI.

Đây là khảo sát đầu tiên tập trung vào việc áp dụng AI của doanh nghiệp cho các hoạt động thương mại. Kết quả khảo sát đã cho thấy những sự chênh lệch đáng kể trong việc áp dụng AI giữa các doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa (MSMEs) và các doanh nghiệp lớn, cũng như giữa các doanh nghiệp ở các nền kinh tế có thu nhập cao và thu nhập thấp/trung bình thấp. Cụ thể, tại các nền kinh tế có thu nhập cao, 66% doanh nghiệp báo cáo đã áp dụng AI, so với con số khiêm tốn 27% doanh nghiệp ở các nền kinh tế có thu nhập thấp/trung bình thấp.

Cuộc khảo sát cũng cho thấy các doanh nghiệp lớn chủ yếu sử dụng AI cho mục đích tuân thủ các quy định thương mại, trong khi các doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa (MSMEs) tập trung vào thông tin thị trường và truyền thông. Các doanh nghiệp ở các nền kinh tế có thu nhập thấp và trung bình thấp hơn cho biết họ tận dụng AI để phát triển thương mại quốc tế. Điều này cho thấy tiềm năng của AI trong việc thúc đẩy sự tham gia bao trùm vào thương mại toàn cầu thông qua việc cải thiện khả năng tiếp cận thông tin thị trường, các công cụ tuân thủ thương mại và kiến thức về các hiệp định thương mại ưu đãi, góp phần thu hẹp khoảng cách áp dụng AI.

Trong số các doanh nghiệp sử dụng AI, khảo sát cho thấy gần 90% ghi nhận những lợi ích trong các hoạt động liên quan đến thương mại. Cụ thể, 22% doanh nghiệp cho biết đạt được cải thiện về hiệu quả và năng suất, 14% nhận thấy việc ra quyết định được nâng cao, 10% mở rộng được cơ sở xuất khẩu và 17% đa dạng hóa được danh mục sản phẩm xuất khẩu và nhập khẩu. Khảo sát cũng cho thấy tiềm năng của AI trong việc giúp các doanh nghiệp điều hướng các quy tắc thương mại phức tạp và hưởng lợi nhiều hơn từ các hiệp định thương mại. 75% số người trả lời cho biết các doanh nghiệp đang sử dụng AI cho các ứng dụng liên quan đến thủ tục hải quan khác nhau, và 20% cho biết họ sử dụng AI để xác định các rủi ro trong tuân thủ thương mại.

Khảo sát cũng xác định những mối quan ngại của doanh nghiệp về AI và các rào cản đối với việc áp dụng AI. Những thách thức chính bao gồm tính không rõ ràng và sự phân mảnh của quy định, đặc biệt là các chính sách dữ liệu và rào cản về chuyên môn. Cụ thể, 19% phản hồi cho rằng quy định không rõ ràng là lo ngại hàng đầu. Trong khi đó, 12% nhấn mạnh các thách thức về quy định hoặc khả năng tuân thủ là rào cản chính. Ngoài ra, 7% cho rằng sự không đồng nhất về quy định là một thách thức trong việc áp dụng AI, cho thấy sự phân mảnh quy định có thể tạo ra trở ngại cho việc áp dụng AI xuyên biên giới. Một phần ba số phản hồi về các thách thức quy định xuyên biên giới liên quan đến AI chỉ ra rằng việc thích ứng với các yêu cầu bảo mật dữ liệu khác nhau là vấn đề quan trọng nhất. Hơn nữa, 64% các công ty áp dụng AI cho biết họ dự kiến chi phí tuân thủ sẽ bị ảnh hưởng ít nhất 5% do các quy định bảo vệ dữ liệu khác nhau. Ngoài ra, khả năng sẵn sàng về kỹ thuật cũng là lo ngại lớn, trong đó 14% số phản hồi cho biết khó khăn trong việc tiếp cận dữ liệu chất lượng cao để đào tạo hệ thống AI và 14% khác cho rằng chuyên môn hoặc kỹ năng về AI còn hạn chế là một thách thức.

**Xem toàn văn báo cáo này tại địa chỉ:**

[https://www.wto.org/english/news\\_e/news\\_docs/DTFT\\_Research\\_Note\\_Adopting\\_AI\\_for\\_Trade\\_Web\\_E.pdf](https://www.wto.org/english/news_e/news_docs/DTFT_Research_Note_Adopting_AI_for_Trade_Web_E.pdf)

**Nguồn: Tbt.gov.vn**

**QUAN NGẠI THƯƠNG MẠI VỀ ĐỀ XUẤT QUY ĐỊNH AN TOÀN ĐỒ CHƠI CỦA LIÊN MINH CHÂU ÂU (EU)**

Ủy ban châu Âu đề xuất Quy định mới về an toàn đồ chơi để thay thế Chỉ thị 2009/48/EC, hướng tới:

- Nâng mức bảo vệ trẻ em trước rủi ro hóa chất và các nguy cơ sử dụng;
- Cập nhật phương thức quản lý rủi ro phù hợp tiến bộ khoa học (ví dụ: hormone/disruptors, độc tính cơ quan đích, PFAS...);
- Số hóa thông tin tuân thủ qua Hộ chiếu Sản phẩm Số (Digital Product Passport –DPP), cải thiện truy xuất, kiểm soát thị trường và phối hợp chống hàng giả.

**Về quy trình:** Nghị viện châu Âu thông qua lập trường lần 1 ngày 13/3/2024; Hội đồng EU thông qua “mandate” đàm phán ngày 15/5/2024; đàm phán ba bên (trialogue) bắt đầu từ Q4/2024, hướng tới thỏa thuận không chính thức trong nửa đầu 2025. Các giai đoạn chuyển tiếp và một số ngưỡng hóa chất (như hương liệu gây dị ứng, PFAS) vẫn còn đang thương lượng giữa Nghị viện và Hội đồng.

**Quan ngại thương mại do Trung Quốc nêu tại Ủy ban TBT của WTO**

Đại diện Trung Quốc ghi nhận EU đã phản hồi các quan ngại trước đây, đồng thời duy trì một số đề xuất/kiến nghị trọng tâm:

**(i) Về yêu cầu hóa chất và DPP**

Đề nghị EU tính đến mức độ sản xuất thực tế của ngành đồ chơi, rủi ro phơi nhiễm và tính khả thi khi đặt yêu cầu.

DPP nên cân nhắc khả năng đáp ứng của doanh nghiệp (đặc biệt doanh nghiệp vừa và nhỏ, ở nước đang phát triển) về hạ tầng số, chuẩn dữ liệu, và giao diện kỹ thuật.

**(ii) Về thời gian chuyển tiếp**

Đề nghị giai đoạn chuyển tiếp đủ dài, tránh gián đoạn chuỗi cung ứng và lãng phí môi trường (huỷ/thu hồi hàng tồn, dán nhãn lại, sửa đổi tài liệu kỹ thuật).

**(iii) Về thời hạn hiệu lực DPP (10 năm)**

Nhiều sản phẩm vòng đời ngắn (bong bóng, nước thổi bong bóng, bột nặn Play-Doh...) không phù hợp với thời hạn DPP 10 năm.

Đề xuất lập luận khoa học cho thời hạn DPP và áp dụng thời hạn phân tầng theo nhóm sản phẩm (dựa trên rủi ro, vòng đời, mức độ phơi nhiễm), nhằm giảm gánh nặng không cần thiết.

**Quan ngại thương mại do Hoa Kỳ nêu**

Hoa Kỳ ủng hộ mục tiêu bảo vệ trẻ em của EU nhưng tiếp tục quan ngại:

Giới hạn một số hóa chất bị cho là quá nghiêm, khó khả thi, và chưa chứng minh đủ lợi ích an toàn tương xứng với chi phí tuân thủ.

DPP không xử lý triệt để hàng giả: chỉ số hóa thông tin không đủ ngăn chặn hàng nhái nếu cường chế thực thi và kiểm soát biên giới chưa tương xứng.

Nhấn mạnh yêu cầu thời gian chuyển tiếp dài hơn để tránh rác thải môi trường và đứt gãy chuỗi cung ứng; đề nghị EU cập nhật tình hình đàm phán và tiếp thu ý kiến các bên liên quan.

## **Phản hồi của Liên minh châu Âu**

EU khẳng định đề xuất bảo đảm mức bảo vệ cao đối với trẻ em, nhất là rủi ro hóa chất. Điểm nhấn chính sách:

Mở rộng phạm vi “cấm theo nhóm”: ngoài CMR (gây ung thư, đột biến, độc sinh sản), dự kiến cấm các chất gây rối loạn nội tiết và độc với cơ quan đích (miễn dịch, thần kinh, hô hấp), chỉ cho ngoại lệ hạn chế khi không có rủi ro và không có thay thế khả thi.

Ngưỡng kỹ thuật đang đàm phán:

- Giảm ngưỡng 100 mg/kg cho tất cả hương liệu gây dị ứng là đề xuất từ Hội đồng & Nghị viện;
- Cấm PFAS là đề xuất từ Nghị viện;
- Các giá trị/biến pháp này còn đang thảo luận trong dialogue.
- Thời gian chuyển tiếp/“xả hàng tồn”: đang được Nghị viện và Hội đồng bàn thảo; văn bản cuối cùng có thể điều chỉnh tiếp.

EU nhấn mạnh tính tương xứng và khả thi đã được xem xét trong quá trình soạn thảo; DPP là công cụ tăng minh bạch chuỗi cung ứng, hỗ trợ giám sát thị trường và bảo vệ người tiêu dùng.

## **Đánh giá tác động & hàm ý đối với doanh nghiệp Việt Nam**

### **1. Xu hướng chính sách: “Hóa chất khắt khe hơn + Số hóa tuân thủ”**

Cách tiếp cận theo nhóm rủi ro hóa chất và “cấm theo đặc tính nguy hại” (endocrine disruptors, độc cơ quan đích, PFAS...) sẽ nâng chuẩn an toàn của đồ chơi ở EU.

DPP trở thành trục dữ liệu mới để kết nối thông tin thiết kế – hóa chất – chuỗi cung ứng – thị trường, đòi hỏi doanh nghiệp chuẩn hóa dữ liệu, truy xuất, và kết nối hệ thống IT.

### **2. Ảnh hưởng đến nhà xuất khẩu Việt Nam**

Rà soát hóa chất: sản phẩm phải đáp ứng ngưỡng/ban mới với hương liệu dị ứng, PFAS và các nhóm chất nguy hại khác. Chuỗi cung ứng (màu, mực, polymer, dệt, phụ kiện kim loại...) cần tuyên bố vật liệu và bằng chứng thử nghiệm cập nhật.

Chi phí tuân thủ tăng: thử nghiệm, thay công thức, thay nguyên liệu, cập nhật hồ sơ kỹ thuật (TD, DoC); năng lực phòng thử nghiệm và chứng chỉ cần được công nhận trong EU.

DPP & dữ liệu số: doanh nghiệp cần xây dựng năng lực dữ liệu sản phẩm, bao gồm định danh sản phẩm, siêu dữ liệu hóa chất, điểm truy cập kỹ thuật số theo giao diện EU; với đồ chơi vòng đời ngắn, theo dõi thời hạn DPP có thể là gánh nặng nếu ấn định 10 năm.

### **3. Nguy cơ & rủi ro**

- Thay đổi muợn → hàng tồn kho phải sửa nhãn/thu hồi, gây chi phí và rác thải.
- Không đồng bộ dữ liệu DPP → tắc nghẽn thông quan, rủi ro xử phạt khi kiểm tra thị trường nội địa EU.
- Nhà cung ứng upstream không sẵn sàng → đứt gãy nguồn nguyên liệu/hợp phần (màu, polymer, phụ gia).
- Khuyến nghị hành động (dành cho cơ quan và doanh nghiệp)

### **Đối với doanh nghiệp xuất khẩu đồ chơi**

Rà soát hóa chất & vật liệu ngay từ thiết kế: lập danh mục chất hạn chế (bao gồm PFAS, hương liệu dị ứng, CMR, endocrine disruptors, độc cơ quan đích); yêu cầu nhà cung cấp cung cấp declaration & báo cáo thử nghiệm cập nhật.

Chuẩn bị cho DPP:

- Xác định thuộc tính dữ liệu có thể phải công bố (thành phần, hướng dẫn an toàn, vòng đời...);

- Chuẩn hóa mã sản phẩm, metadata, quy trình nhập/xuất dữ liệu;

- Thử nghiệm mô hình “song song”: nhãn vật lý + hồ sơ số.

Kế hoạch chuyển tiếp & hàng tồn:

- Xây buffer thời gian cho dán nhãn, in bao bì, thay công thức;

- Tách SKU vòng đời ngắn để có chiến lược DPP và tiêu thụ hàng tồn phù hợp.

- Năng lực thử nghiệm – chứng nhận: hợp tác phòng thử nghiệm được công nhận theo tiêu chuẩn EU;

- Cập nhật hồ sơ kỹ thuật và DoC sẵn sàng cho kiểm tra thị trường.

Đề xuất Quy định An toàn Đồ chơi của EU đại diện cho bước nâng chuẩn mạnh mẽ cả về quản lý hóa chất lẫn số hóa tuân thủ (DPP). Các quan ngại của Trung Quốc và Hoa Kỳ tập trung vào tính khả thi – tính tương xứng – gánh nặng chuyển tiếp, nhất là với sản phẩm vòng đời ngắn và doanh nghiệp ở nền kinh tế đang phát triển.

Đối với Việt Nam, chủ động đón đầu (thử nghiệm – dữ liệu – DPP – chuyển tiếp) sẽ giúp giảm chi phí điều chỉnh, tránh tắc nghẽn thị trường, đồng thời tận dụng cơ hội nâng năng lực quản trị sản phẩm và vị thế nhà cung cấp tuân thủ xanh trong chuỗi giá trị đồ chơi toàn cầu.

*Nguồn: Tbt.gov.vn*

**Chuyên mục: HÀNG RÀO KỸ THUẬT TRONG THƯƠNG MẠI**

<b>STT</b>	<b>NƯỚC THÔNG BÁO</b>	<b>SẢN PHẨM/ VẤN ĐỀ THÔNG BÁO</b>
<b>DANH MỤC THÔNG BÁO DỰ THẢO MỚI VỀ TIÊU CHUẨN, QUY CHUẨN KỸ THUẬT CỦA NƯỚC THÀNH VIÊN WTO BAN HÀNH TRONG QUÝ I/2026</b>		
1	Ấn Độ	Viễn thông.
2	Ả rập xê út	Ghế an toàn và xe đẩy trẻ em.
3	Ai Cập	Thịt, Sữa, Hóa chất, Dệt may, Thiết bị trị liệu.
4	Argentina	Thực phẩm bao gói sẵn.
5	Brazil	Công nghiệp 4.0, Máy móc thiết bị điện, Ghi nhãn thực phẩm bổ sung, Dược phẩm, Thiết bị viễn thông.
6	Burundi	Dầu mỏ, Mỹ phẩm, Vật liệu đóng gói, Chai lọ, Đồ nhựa, Sữa và sản phẩm từ sữa.
7	Ca na đa	Thuốc, Viễn thông, Xe cơ giới.
8	Chi lê	Sắt, Mỹ phẩm, Nhựa dùng một lần, Thực phẩm, Thiết bị an toàn cho xe cơ giới, Vật liệu nhân giống cây trồng, Sản phẩm thịt, Gỗ, Thép tấm, Cửa nhôm, Khí tự nhiên.
9	Costa Rica	Điều hòa, Thiết bị làm lạnh gia dụng.
10	Đài Loan	Sản phẩm thực phẩm, Pin lithium, Máy phát điện.
11	Đức	Khí nhà kính.
12	Ecuador	Thực hành tốt trong lĩnh vực dược phẩm và y tế, Điều hòa không khí, Thực phẩm chế biến sẵn.
13	Guyana	Chất làm lạnh và chất chống đông.
14	Gruzia	Rau củ, Kết cấu bê tông, Kết cấu nhôm.
15	Hàn Quốc	Thiết bị y tế, Xe chạy xăng hoặc dầu, Sản phẩm vệ sinh, Dược phẩm.
16	Hoa Kỳ	Máy bay không người lái, Bao gói thuốc lá, Nôi đưa trẻ em, An toàn sản phẩm tiêu dùng, Hóa chất, Vận chuyển vật liệu nguy hiểm, An toàn cho xe cơ giới, Đường ống dẫn khí tự nhiên, Xăng dầu, Hệ thống viễn thông.
17	Honduras	Nông nghiệp hữu cơ, Phân bón.
18	Indonesia	Sản phẩm gia súc gia cầm, Hệ thống đảm bảo Halal, Thực phẩm và Đồ uống.
19	Israel	Thuốc lá điện tử, Thực phẩm, Hệ thống xử lý nước uống, Gạch, Thiết bị điện áp, Que hàn hồ quang.

20	Jordan	Thực phẩm.
21	Kenya	Phấn rôm, Dầu hỏa, Xà phòng, Sữa chua, Ghi nhãn thực phẩm, Bao gói, phân phối hàng hóa, Vật liệu bao gói, Chai lọ, Vật liệu chống cháy.
22	Liên minh châu Âu	Sản phẩm diệt khuẩn, Máy sưởi, Thiết bị y tế, Các chất gây ung thư, đột biến tế bào.
23	Malaysia	Bia, Mật ong, Nước khoáng.
24	Mexico	Xử lý chất thải, Hỗn hợp vô trùng, Quản lý nước thải.
25	Nam Phi	Phân loại, ghi nhãn, bao gói Canola.
26	Nhật Bản	Thuốc, Chất gây ảnh hưởng thần kinh, Ghi nhãn hạt điều, Thực phẩm chế biến sẵn, Hệ thống truyền tải điện, Bò, lợn giống.
27	Nga	Thiết bị xử lý nước, Sản phẩm vệ sinh cá nhân, Thuốc nổ.
28	Panama	Thịt và sản phẩm từ thịt, Trái cây rau củ, Phô mai, Ngũ cốc, Sữa và sản phẩm từ sữa.
29	Philippines	Thuốc lá.
30	Rwanda	Phấn rôm, Dầu hỏa, Xà phòng, Sữa chua, Ghi nhãn thực phẩm, Bao gói, phân phối hàng hóa, Vật liệu bao gói, Chai lọ.
31	Tanzania	Phấn rôm, Dầu hỏa, Xà phòng, Sữa chua, Ghi nhãn thực phẩm, Rong biển, Vật liệu bao gói, Chai lọ, Bánh kẹo.
32	Thái Lan	Giấy dùng trong nấu ăn, Thực phẩm bao gói sẵn, Sữa và sản phẩm từ sữa.
33	Thổ Nhĩ Kỳ	Phụ gia thực phẩm, Thiết kế sinh thái cho sản phẩm bền vững, Sữa, Máy móc.
34	Thụy Sĩ	Vật liệu bao gói thực phẩm.
35	Trung Quốc	Ổ cắm, An toàn đối với các loại vật liệu đóng hàng, Máy bơm, Hệ thống báo cháy, Thiết bị báo cháy các loại, Máy hàn điện, Dụng cụ điện, Vật liệu kính an toàn, Thiết bị cho xe cơ giới.
36	Uganda	Vật liệu bao gói, Chai lọ, Các loại khăn lau bằng vải, Đồ nhựa, Sữa và sản phẩm từ sữa.
37	Ukraine	Sữa, Máy móc, Đồ uống có cồn, sản phẩm thuốc lá, thực phẩm bổ sung, Trái cây, Hóa chất.
38	Vương quốc Anh	Các chất nguy hiểm, Thiết bị vệ sinh.
39	Việt Nam	Sản phẩm thực phẩm, Sinh trắc học, Dầu thực vật, Sữa, Đồ uống có cồn, Động cơ và pin xe điện.

***Trên đây là danh sách thông báo dự thảo mới về tiêu chuẩn, quy chuẩn của các nước thành viên WTO ban hành trong Quý I/2026, doanh nghiệp cần chú ý. Quý doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân quan tâm đến các dự thảo này vui lòng liên hệ về Ban Biên tập Bản tin TBT Ninh Bình để được hỗ trợ bản dự thảo đầy đủ.***

## THÔNG BÁO VỀ BIỆN PHÁP TBT CỦA MỘT SỐ NƯỚC THÀNH VIÊN WTO DOANH NGHIỆP CẦN CHÚ Ý

### 1. Vương quốc Anh đề xuất phân loại và ghi nhãn bắt buộc đối với 60 hóa chất nguy hại

Ngày 26/01/2026, Vương quốc Anh (UK) đã thông báo cho các nước Thành viên WTO về dự thảo quy định bắt buộc về phân loại và ghi nhãn đối với 60 hóa chất nguy hại, theo Thông báo G/TBT/N/GBR/113. Cơ quan chủ trì xây dựng biện pháp là Cơ quan An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp Vương quốc Anh (Health and Safety Executive – HSE).

Dự thảo Biện pháp áp dụng đối với các chất hóa học nguy hại thuộc phạm vi điều chỉnh của Danh mục phân loại và ghi nhãn bắt buộc của Vương quốc Anh (GB Mandatory Classification and Labelling List – GB MCL list). Tại dự thảo, danh mục GB MCL sẽ được rà soát và sửa đổi, bổ sung các mục mới và điều chỉnh, cập nhật các mục hiện có đối với 60 chất hóa học nguy hại, qua đó quy định phân loại nguy hại và yêu cầu ghi nhãn bắt buộc tương ứng đối với từng chất.

Các yêu cầu này được xây dựng trên cơ sở Quy định GB CLP (phiên bản nội luật hóa của Quy định (EC) số 1272/2008 sau khi Anh rời EU), nhằm bảo đảm tính nhất quán và minh bạch trong quản lý hóa chất tại thị trường Vương quốc Anh.

Dự thảo này được xây dựng nhằm bảo đảm hoạt động thông suốt của thị trường nội địa Vương quốc Anh, bảo vệ sức khỏe con người và an toàn lao động và bảo vệ môi trường thông qua việc tăng cường quản lý rủi ro từ các hóa chất nguy hại.

Dự kiến, Vương quốc Anh sẽ thông qua dự thảo này vào quý II năm 2026, và có hiệu lực theo 02 giai đoạn gồm:

- Quý II năm 2026: Giai đoạn tự nguyện áp dụng
- Quý IV năm 2028: Bắt buộc áp dụng

Các nước Thành viên WTO được phép góp ý đến ngày 27/03/2026 (60 ngày kể từ ngày thông báo).

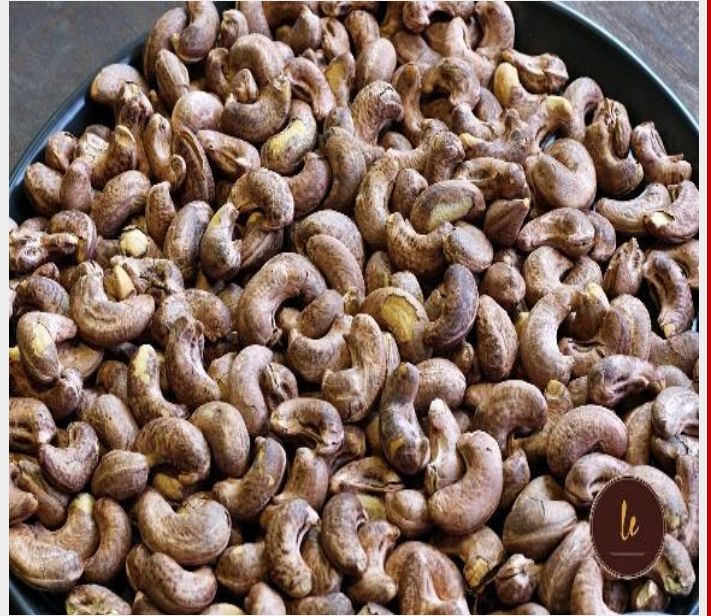


*Ảnh sưu tầm minh họa*

## 2. Dự thảo sửa đổi một phần Tiêu chuẩn ghi nhãn thực phẩm của Nhật Bản

Ngày 16/01/2026, Nhật Bản đã thông báo cho các nước Thành viên WTO về việc đưa ra Dự thảo sửa đổi một phần Tiêu chuẩn ghi nhãn thực phẩm theo Luật Ghi nhãn Thực phẩm, kèm theo quy định của Văn phòng Nội các về các vấn đề có ảnh hưởng đáng kể đến an toàn khi tiêu thụ thực phẩm.

Dự thảo do Cơ quan Các vấn đề Người tiêu dùng Nhật Bản (Consumer Affairs Agency) xây dựng, áp dụng đối với hạt điều và các sản phẩm thực phẩm chế biến được tiêu thụ tại Nhật Bản, bổ sung hạt điều vào danh mục “thành phần gây dị ứng bắt buộc phải ghi nhãn”.



*Ảnh sưu tầm minh họa*

Theo cơ quan chức năng Nhật Bản, số ca dị ứng thực phẩm tức thì liên quan đến hạt điều trong nhóm hạt cây ngày càng gia tăng và không còn được coi là xu hướng tạm thời. Do đó:

- Hạt điều phải được khai báo bắt buộc trên nhãn thực phẩm khi được sử dụng làm thành phần;
- Trường hợp sử dụng phụ gia có nguồn gốc từ hạt điều, cũng phải thực hiện ghi nhãn tương ứng.
- Rà soát và điều chỉnh các quy định ghi nhãn đối với một số thực phẩm cụ thể, nhằm bảo đảm phù hợp với các quy tắc ghi nhãn thực phẩm chung, loại bỏ các nội dung có thể thay thế bằng thông tin ghi nhãn chung và bãi bỏ các thông tin liên quan đến chất lượng không còn cần thiết phải ghi nhãn bắt buộc.

Dự thảo được xây dựng nhằm cung cấp đầy đủ thông tin cho người tiêu dùng và bảo đảm người tiêu dùng có thể đưa ra lựa chọn thực phẩm một cách tự chủ và hợp lý, đồng thời nâng cao mức độ an toàn thực phẩm.

Hiện dự thảo chưa xác định thời gian thông qua và có hiệu lực. Các nước Thành viên WTO được phép góp ý đến ngày 17/3/2026 (60 ngày kể từ ngày thông báo).

## 3. Dự thảo sửa đổi quy định của Liên minh Châu Âu về trang thiết bị y tế và thiết bị chẩn đoán in vitro

Ngày 16/01/2026, Liên minh Châu Âu (EU) đã thông báo cho các nước Thành viên WTO về việc đưa ra Dự thảo Quy định của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu sửa đổi các Quy định (EU) 2017/745 và (EU) 2017/746 liên quan đến đơn giản hóa và giảm gánh nặng tuân thủ đối với trang thiết bị y tế và thiết bị chẩn đoán in vitro, đồng thời sửa đổi một số văn bản pháp luật liên quan khác của EU.

Trước đó, Quy định (EU) 2017/745 về trang thiết bị y tế và Quy định (EU) 2017/746 về thiết bị chẩn đoán in vitro đã thiết lập khuôn khổ pháp lý mới nhằm bảo đảm mức độ bảo vệ sức khỏe cao cho bệnh nhân và người sử dụng, đồng thời bảo đảm hoạt động thông suốt của thị trường nội khối EU. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai, vẫn còn tồn tại nhiều thách thức liên quan đến thủ tục chứng nhận, gánh nặng hành chính và khả năng tiếp cận thị trường, đặc biệt đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa. Dự thảo lần này là kết quả tiếp theo của đánh giá có mục tiêu đối với khuôn khổ pháp lý về trang thiết bị y tế của EU giai đoạn 2024–2025.



*Ảnh sưu tầm minh họa*

Dự thảo do Ủy ban Châu Âu xây dựng, áp dụng đối với trang thiết bị y tế và thiết bị chẩn đoán in vitro lưu thông trên thị trường EU, hướng tới việc tinh giản và hiện đại hóa khuôn khổ quản lý, với các nội dung trọng tâm sau:

- Giảm gánh nặng hành chính, bao gồm cắt giảm các nghĩa vụ báo cáo không cần thiết;
- Nâng cao tính dự đoán và hiệu quả chi phí của quy trình chứng nhận do các tổ chức đánh giá sự phù hợp thực hiện;
- Điều chỉnh yêu cầu đánh giá sự phù hợp theo hướng tương xứng, đặc biệt đối với các thiết bị có mức độ rủi ro thấp và trung bình;
- Thích ứng thủ tục chứng nhận đối với các thiết bị công nghệ đột phá hoặc thiết bị dành cho bệnh hiếm;
- Thúc đẩy số hóa trong quản lý và thực hiện thủ tục;
- Đơn giản hóa các quy trình quản trị, tăng cường sử dụng chuyên môn độc lập trong quá trình ra quyết định;
- Tăng cường hợp tác quốc tế, bao gồm việc xem xét áp dụng cơ chế công nhận lẫn nhau hoặc dựa vào kết quả đánh giá của đối tác khi phù hợp;
- Bảo đảm tính thống nhất giữa các quy định về trang thiết bị y tế với các văn bản pháp luật khác của EU.

Dự thảo không chỉ hướng tới mục tiêu bảo vệ sức khỏe và an toàn của con người mà còn nhằm hài hòa hóa quy định, bảo đảm vận hành hiệu quả thị trường nội khối EU, đồng thời giảm chi phí, nâng cao năng suất, đồng thời tiếp tục hỗ trợ đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực trang thiết bị y tế.

EU dự kiến sẽ thông qua dự thảo trong năm 2026 và sẽ có hiệu lực trong vòng 20 ngày kể từ ngày được công bố trên Công báo chính thức của Liên minh Châu Âu. Các nước Thành viên WTO có 90 ngày góp ý kể từ ngày thông báo, tức đến ngày 16/4/2026.

#### **4. Quy định thực hiện chứng nhận bắt buộc đối với dụng cụ điện của Trung Quốc**

Ngày 07/01/2026, Trung Quốc đã thông báo cho các nước Thành viên WTO Quy định thực hiện CNCA-C05-01:2025 về Chứng nhận bắt buộc sản phẩm đối với dụng cụ điện của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.

Quy định do Tổng cục Quản lý Giám sát Thị trường Trung Quốc (SAMR), Cơ quan Chứng nhận và Công nhận quốc gia (CNCA) ban hành, áp dụng đối với các loại dụng cụ điện.



*Ảnh sưu tầm minh họa*

Quy định áp dụng đối với dụng cụ điện thuộc các mã HS 84671, 846721, 846729, bao gồm các nhóm tiêu chuẩn kỹ thuật liên quan đến an toàn và tương thích điện từ và quy định chi tiết việc thực hiện chứng nhận bắt buộc (CCC) đối với dụng cụ điện, bao gồm:

- Phạm vi áp dụng và tiêu chuẩn làm căn cứ chứng nhận;
- Phương thức chứng nhận, phân chia đơn vị chứng nhận;
- Trình tự, thủ tục đăng ký và thực hiện chứng nhận;
- Giám sát sau chứng nhận;
- Quản lý giấy chứng nhận, dấu chứng nhận, phí chứng nhận;
- Trách nhiệm của các bên liên quan trong quá trình chứng nhận.

Dự thảo được xây dựng nhằm bảo vệ sức khỏe và an toàn của con người và tăng cường quản lý an toàn đối với các sản phẩm dụng cụ điện lưu thông trên thị trường.

Hiện dự thảo chưa xác định thời gian thông qua nhưng dự kiến sẽ có hiệu lực sau 12 tháng kể từ ngày được phê duyệt. Đặc biệt, dự thảo được thông báo theo trường hợp khẩn cấp nên không cho phép thời gian góp ý.

#### **5. Dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dầu thực vật tinh luyện của Việt Nam**

Ngày 12/12/2025, Việt Nam thông báo cho các nước Thành viên WTO về Dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) về dầu thực vật tinh luyện do Bộ Công thương chủ trì xây dựng.

Dự thảo quy định kỹ thuật quốc gia này quy định giới hạn của các chỉ tiêu vật lý và hóa học, các yêu cầu về an toàn và quản lý đối với các loại dầu thực vật tinh luyện, bao gồm: Dầu lạc (dầu đậu phộng); Dầu dừa; Dầu hạt bông; Dầu ngô; Dầu cọ; Dầu nhân cọ; Dầu cọ olein; Dầu cọ stearin; Dầu cọ superolein; Dầu hạt cải; Dầu hạt cây rum; Dầu hạt mè; Dầu đậu nành; Dầu ô liu; Dầu cám gạo; Dầu hạt hướng dương. Quy định kỹ thuật này không áp dụng cho các loại dầu thực vật thô.



*Ảnh sưu tầm minh họa*

Quy định này áp dụng cho: Các tổ chức và cá nhân tham gia sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu và xuất khẩu và các cơ quan quản lý, tổ chức, cá nhân khác liên quan đến sản phẩm dầu thực vật tinh luyện.

Dự thảo dự kiến được ban hành ngày 28/02/2026 và có hiệu lực từ ngày 30/08/2026. Các nước Thành viên WTO có thời hạn đến ngày 10/02/2026 để tham gia đóng góp ý kiến.

## **6. Dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với Đồ uống có cồn của Việt Nam**

Ngày 04/12/2025, Việt Nam thông báo cho các nước Thành viên WTO về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với Đồ uống có cồn do Bộ Công thương chủ trì.

Dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia này quy định mức tối đa các chỉ tiêu an toàn thực phẩm và yêu cầu quản lý đối với cồn thực phẩm dùng để sản xuất đồ uống có cồn và các sản phẩm đồ uống có cồn. Dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia này áp dụng cho các tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu các sản phẩm đồ uống có cồn tại Việt Nam cũng như các tổ chức, cá nhân có liên quan khác.



*Ảnh sưu tầm minh họa*

Dự thảo dự kiến được ban hành ngày 04/01/2026 và có hiệu lực từ 01/7/2026. Các nước Thành viên WTO có thời hạn đến ngày 03/01/2026 để tham gia đóng góp ý kiến.

## **7. Dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ắc quy xe điện của Việt Nam**

Ngày 04/12/2025, Việt Nam thông báo cho các nước Thành viên WTO về dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ắc quy sử dụng cho xe mô tô điện, xe gắn máy điện do Bộ Xây dựng chủ trì.

Quy chuẩn này quy định về yêu cầu kỹ thuật trong kiểm tra, thử nghiệm, chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong sản xuất lắp ráp và nhập khẩu đối với ắc quy mới, sử dụng cho xe mô tô điện, xe gắn máy điện.



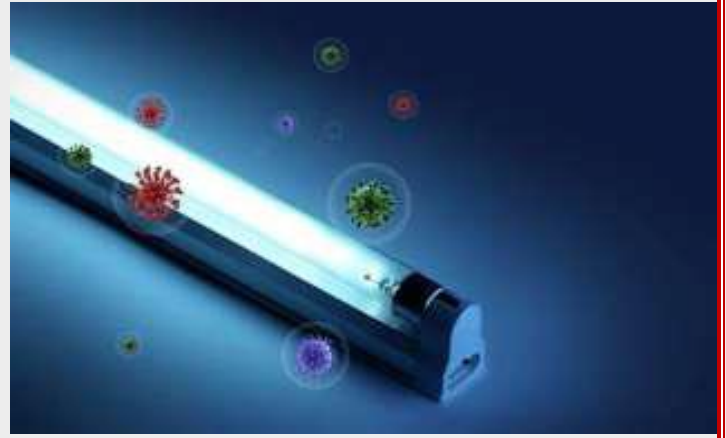
*Ảnh sưu tầm minh họa*

Quy chuẩn này áp dụng đối với: các cơ sở sản xuất, lắp ráp trong nước, tổ chức, cá nhân nhập khẩu ắc quy; các tổ chức, cá nhân liên quan đến quản lý, kiểm tra, thử nghiệm, chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với ắc quy.

Dự thảo dự kiến được ban hành ngày 01/03/2026 và sẽ có hiệu lực từ ngày 01/9/2026. Các nước Thành viên WTO có thời hạn đến ngày 02/02/2026 để tham gia đóng góp ý kiến.

## 8. Dự thảo Quyết định về chất hoạt tính hiện có để sử dụng trong các sản phẩm diệt khuẩn loại 6 của Liên minh Châu Âu

Ngày 8/12/2025, Liên minh Châu Âu thông báo cho các nước Thành viên WTO về Dự thảo Quyết định thực thi của Ủy ban không phê duyệt formaldehyde được giải phóng từ sản phẩm phản ứng của paraformaldehyde và 2-hydroxypropylamine (tỷ lệ 1:1) là chất hoạt tính hiện có để sử dụng trong các sản phẩm diệt khuẩn loại 6 theo Quy định (EU) số 528/2012 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu.



*Ảnh sưu tầm minh họa*

Dự thảo Quyết định thực thi của Ủy ban này không chấp thuận formaldehyde được giải phóng từ các sản phẩm phản ứng của paraformaldehyde và 2-hydroxypropylamine (tỷ lệ 1:1) là chất hoạt tính hiện có để sử dụng trong các sản phẩm diệt khuẩn loại 6. Chất này đáp ứng các tiêu chí loại trừ được quy định tại Điều 5(1) của Quy định (EU) số 528/2012 và không đáp ứng bất kỳ điều kiện nào để được miễn trừ tại Điều 5(2) của Quy định nêu trên. Các điều kiện phê duyệt được quy định tại Điều 4(1) của Quy định (EU) số 528/2012 cũng không được đáp ứng.

Dự thảo dự kiến được ban hành trong Quý II năm 2026 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2027. Các nước Thành viên WTO có thời hạn đến ngày 06/02/2025 để tham gia đóng góp ý kiến.

## 9. Dự thảo Quy định của Indonesia liên quan đến hình thức và thủ tục dán nhãn thông tin “không halal”

Ngày 12/02/2026, Indonesia đã gửi thông báo mã G/TBT/N/IDN/184 tới Ủy ban Hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT) của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) về Dự thảo Quy định của Cơ quan Tổ chức bảo đảm sản phẩm Halal (BPJPH) liên quan đến hình thức và thủ tục dán nhãn thông tin “không Halal”.



*Ảnh sưu tầm minh họa*

Theo nội dung thông báo, dự thảo quy định nhằm hướng dẫn cụ thể về hình thức và thủ tục thể hiện thông tin “không Halal” trên nhãn sản phẩm đối với các sản phẩm thuộc phạm vi điều chỉnh của quy định về đảm bảo sản phẩm Halal tại Indonesia. Quy định này áp dụng đối với các sản phẩm lưu thông tại thị trường Indonesia, bao gồm các sản phẩm thực phẩm, đồ uống, dược phẩm, mỹ phẩm, sản phẩm hóa học, sản phẩm sinh học, sản phẩm công nghệ gen và hàng tiêu dùng được sử dụng bởi công chúng.

Theo thông báo của Indonesia, quy định về hình thức và thủ tục dán nhãn thông tin “không Halal” áp dụng đối với các sản phẩm thuộc hệ thống bảo đảm sản phẩm Halal của Indonesia, bao gồm thực phẩm, đồ uống, dược phẩm, mỹ phẩm và một số hàng tiêu dùng khác. Đối với nhóm thực phẩm và đồ uống, yêu cầu dán nhãn “không Halal” chỉ áp dụng đối với các sản phẩm có chứa nguyên liệu hoặc phụ gia không Halal (ví dụ: thịt lợn, rượu hoặc các thành phần có nguồn gốc từ nguyên liệu bị cấm theo quy định Halal). Các sản phẩm có nguồn gốc thực vật

hoặc không chứa thành phần Halal như gạo, cà phê, hạt điều, nông sản hoặc thực phẩm không có thành phần từ nguyên liệu bị cấm về cơ bản không thuộc đối tượng phải ghi nhãn “không Halal”, tuy nhiên vẫn có thể chịu sự quản lý trong khuôn khổ hệ thống bảo đảm sản phẩm Halal của Indonesia.

Đối với các sản phẩm đã thực hiện ghi nhãn “không Halal” trước khi quy định mới có hiệu lực, doanh nghiệp sẽ phải điều chỉnh việc ghi nhãn phù hợp với quy định mới trong thời hạn tối đa 03 năm kể từ ngày quy định được ban hành. Hiện tại, thông báo chưa nêu rõ thời điểm thông qua và thời điểm có hiệu lực của quy định. Theo thông báo bổ sung của Indonesia ngày 12/3/2026, thời hạn góp ý đối với dự thảo quy định đã được gia hạn đến ngày 13/4/2026.

Indonesia là một trong những thị trường lớn trong khu vực ASEAN với dân số theo đạo Hồi chiếm tỷ lệ cao, do đó các quy định liên quan đến chứng nhận Halal và ghi nhãn sản phẩm ngày càng được tăng cường. Việc ban hành quy định mới về hình thức và thủ tục dán nhãn thông tin “không Halal” có thể làm phát sinh chi phí tuân thủ đối với doanh nghiệp xuất khẩu, đặc biệt liên quan đến việc điều chỉnh thiết kế nhãn mác, thay đổi bao bì, cập nhật hồ sơ công bố sản phẩm và rà soát thành phần nguyên liệu. Đối với các doanh nghiệp xuất khẩu thực phẩm, đồ uống, mỹ phẩm và các sản phẩm tiêu dùng sang Indonesia, việc không đáp ứng đúng các yêu cầu về ghi nhãn có thể dẫn đến rủi ro bị từ chối nhập khẩu, yêu cầu sửa đổi nhãn hoặc phát sinh chi phí điều chỉnh tại khâu phân phối.

Để chủ động ứng phó với khả năng thay đổi quy định kỹ thuật của thị trường Indonesia, đề nghị các doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu quan tâm nghiên cứu nội dung dự thảo quy định nêu trên, chủ động rà soát danh mục sản phẩm xuất khẩu, đánh giá các tác động có thể phát sinh và chuẩn bị phương án điều chỉnh nhãn mác sản phẩm phù hợp nhằm bảo đảm tuân thủ khi quy định được ban hành.

***Trên đây là các thông báo dự thảo mới doanh nghiệp cần chú ý. Quý doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân quan tâm đến các dự thảo này vui lòng liên hệ Ban Biên tập Bản tin TBT Ninh Bình để được hỗ trợ.***

**Chuyên mục: HÀNG RÀO KỸ THUẬT TRONG THƯƠNG MẠI**

**DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA VIỆT NAM  
MỖI BAN HÀNH QUÝ I/2026 (Doanh nghiệp cần chú ý)**

Số ký hiệu	Ngày ban hành	Cơ quan ban hành	Trích yếu
Nghị định số 316/2025/NĐ-CP	10/12/2025	Chính phủ	Hướng dẫn Luật Năng lượng nguyên tử về nhà máy điện hạt nhân, lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu
Nghị định số 15/2026/NĐ-CP	14/01/2026	Chính phủ	Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ
Nghị định số 22/2026/NĐ-CP	16/01/2026	Chính phủ	Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật
Quyết định số 126/QĐ-TTg	16/01/2026	Chính phủ	Chỉ định các cơ quan đầu mối để triển khai thực hiện Hiệp định thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA)
Quyết định số 128/QĐ-TTg	16/01/2026	Chính phủ	Chỉ định các cơ quan đầu mối để triển khai thực hiện Hiệp định thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len (UKVFTA)
Nghị định số 24/2026/NĐ-CP	17/01/2026	Chính phủ	Quy định các danh mục hoá chất thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hoá chất
Nghị định số 25/2026/NĐ-CP	17/01/2026	Chính phủ	Quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển ngành công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất
Nghị định số 26/2026/NĐ-CP	17/01/2026	Chính phủ	Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa
Nghị định số 36/2026/NĐ-CP	23/01/2026	Chính phủ	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ và Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ

Nghị định số 37/2026/NĐ-CP	23/01/2026	Chính phủ	Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa
Nghị định số 41/2026/NĐ-CP	25/01/2026	Chính phủ	Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản
Nghị định số 56/2026/NĐ-CP	12/02/2026	Chính phủ	Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Bản Thỏa thuận thúc đẩy thương mại song phương giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Vương quốc Campuchia giai đoạn 2025 - 2026
Nghị định số 57/2026/NĐ-CP	12/02/2026	Chính phủ	Về cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp
Nghị định số 72/2026/NĐ-CP	09/03/2026	Chính phủ	Sửa đổi mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng xăng, dầu, nguyên liệu sản xuất xăng, dầu tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi ban hành kèm theo Nghị định số 26/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ về Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan
Thông tư số 49/2025/TT-BKHCN	31/12/2025	Bộ Khoa học và Công nghệ	Ban hành "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng dịch vụ bưu chính phổ cập và dịch vụ công ích trong hoạt động phát hành báo chí"
Thông tư số 50/2025/TT-BKHCN	31/12/2025	Bộ Khoa học và Công nghệ	Ban hành "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu đối với dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng"
Thông tư số 52/2025/TT-BKHCN	31/12/2025	Bộ Khoa học và Công nghệ	Ban hành "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tương thích điện từ đối với thiết bị đầu cuối và phụ trợ trong hệ thống thông tin di động"
Thông tư số 54/2025/TT-BKHCN	31/12/2025	Bộ Khoa học và Công nghệ	Quy định chi tiết về hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo và chuẩn đo lường
Thông tư số 55/2025/TT-BKHCN	31/12/2025	Bộ Khoa học và Công nghệ	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 140:2025/BKHCN về Khí thiên nhiên thương phẩm
Thông tư số 56/2025/TT-BKHCN	31/12/2025	Bộ Khoa học và Công nghệ	"Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn và tương thích điện từ đối với sản phẩm chiếu sáng LED".
Thông tư số 59/2025/TT-BKHCN	31/12/2025	Bộ Khoa học và Công nghệ	Quy định về bảo đảm an toàn bức xạ và ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân
Quyết định số 240/QĐ-BKHCN	12/01/2026	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bãi bỏ một số nội dung của Thông tư số 16/2020/TT-BTTTT ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chống sét cho các trạm viễn thông và mạng cáp ngoại vi viễn

			thông" và Thông tư số 14/2021/TT-BTTTT ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tương thích điện từ của mạng cáp phân phối tín hiệu truyền hình, âm thanh và các dịch vụ tương tác"
Thông tư số 01/VBHN-BKHHCN	22/01/2026	Bộ Khoa học và Công nghệ	Quy định về đo lường, chất lượng trong kinh doanh xăng dầu
Thông tư số 03/2026/TT-BKHHCN	12/02/2026	Bộ Khoa học và Công nghệ	Quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 của Chính phủ về Giải thưởng chất lượng quốc gia
Thông tư số 57/2025/TTBCT	02/12/2025	Bộ Công thương	Quy định nội dung kỹ thuật trong hoạt động dầu khí do Bộ trưởng Bộ Công thương ban hành
Thông tư số 65/2025/TT-BCT	31/12/2025	Bộ Công Thương	Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 205/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2015/NĐ-CP về phát triển công nghiệp hỗ trợ
Thông tư số 01/2026/TT-BCT	17/01/2026	Bộ Công Thương	Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa
Thông tư số 02/2026/TT-BCT	17/01/2026	Bộ Công Thương	Quy định một số biện pháp thi hành Luật Hóa chất và Nghị định số 25/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển ngành công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất
Thông tư số 03/2026/TT-BCT	26/01/2026	Bộ Công Thương	Quy định về hạn ngạch thuế quan nhập khẩu mặt hàng muối, trứng gia cầm năm 2026
Thông tư số 04/2026/TT-BCT	26/01/2026	Bộ Công Thương	Quy định về hạn ngạch thuế quan nhập khẩu thuốc lá nguyên liệu năm 2026
Thông tư số 06/2026/TT-BCT	12/02/2026	Bộ Công Thương	Quy định về hạn ngạch thuế quan nhập khẩu để thực hiện Bản Thỏa thuận thúc đẩy thương mại song phương giữa Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Vương quốc Campuchia giai đoạn 2025 - 2026
Thông tư số 07/2026/TT-BCT	24/02/2026	Bộ Công Thương	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 37/2013/TT-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định nhập khẩu thuốc lá điếu, xì gà

Thông tư số 08/2026/TT-BCT	25/02/2026	Bộ Công Thương	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2020/TT-BCT ngày 22 tháng 01 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về đấu giá hạn ngạch thuế quan nhập khẩu ô tô đã qua sử dụng theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương
Thông tư số 09/2026/TT-BCT	26/02/2026	Bộ Công Thương	Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với các sản phẩm sữa dạng lỏng
Thông tư số 10/2026/TT-BCT	26/02/2026	Bộ Công Thương	Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dầu thực vật tinh chế
Thông tư số 11/2026/TT-BCT	27/02/2026	Bộ Công Thương	Quy định về truy xuất nguồn gốc thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
Thông tư số 93/2025/TT-BNNMT	31/12/2025	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng hạt giống lúa, ngô
Thông tư số 98/2025/TT-BNNMT	31/12/2025	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn đối với máy, thiết bị nông nghiệp
Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT	01/01/2026	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Quy định về đăng kiểm viên tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật; đăng ký, xóa đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; treo cờ và đánh dấu tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; nhập khẩu tàu cá; phân loại cảng cá; công bố mở, đóng cảng cá
Thông tư số 17/2026/TT-BNNMT	10/3/2026	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn về đánh giá rủi ro, cấp phép thủy sản sống nhập khẩu đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18 tháng 01 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số thông tư trong lĩnh vực thủy sản
Thông tư số 66/2025/TT-BXD	31/12/2025	Bộ Xây dựng	Quy định các yêu cầu an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với tàu thủy lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi
Thông tư số 69/2025/TT-BXD	31/12/2025	Bộ Xây dựng	Quy định dán nhãn năng lượng đối với các phương tiện sử dụng năng lượng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng
Thông tư số 70/2025/TT-BXD	31/12/2025	Bộ Xây dựng	Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Khí thải Mức 4 đối với xe mô tô hai bánh, xe gắn máy hai bánh sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới

**KẾT QUẢ KIỂM TRA NHÀ NƯỚC VỀ ĐO LƯỜNG TẠI CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT HÀNG ĐÓNG GÓI SẴN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH BÌNH**

Thực hiện Quyết định số 182/QĐ-SKHCN ngày 19 tháng 9 năm 2025 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt Kế hoạch kiểm tra chuyên ngành lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng năm 2025, từ ngày 27/11/2025 đến ngày 10/12/2025, Chi cục Tiêu chuẩn, Đo lường và Chất lượng Ninh Bình đã tổ chức thực hiện cuộc kiểm tra nhà nước về đo lường tại 10 cơ sở sản xuất hàng đóng gói sẵn (HDGS) trên địa bàn tỉnh. Tham gia phối hợp với Đoàn kiểm tra có đại diện của Ban Quản lý Khu kinh tế và các Khu công nghiệp tỉnh Ninh Bình.



***Đoàn kiểm tra của Chi cục Tiêu chuẩn, Đo lường và Chất lượng Ninh Bình làm việc tại cơ sở***

Nội dung kiểm tra tập trung vào yêu cầu kỹ thuật đo lường đối với lượng của HDGS và việc thực hiện các biện pháp kiểm soát về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2. Sản phẩm tại các cơ sở được kiểm tra chủ yếu là xi măng, phân bón và PLG. Đây là các sản phẩm thuộc danh mục hàng đóng gói sẵn được đóng gói và công bố định lượng hàng hóa mà không có sự chứng kiến của bên mua. Do vậy, kiểm tra là phương thức quản lý quan trọng nhằm phát hiện, ngăn chặn và xử lý gian lận về định lượng hàng hóa bảo vệ quyền lợi của khách hàng.



### ***Kiểm tra về đo lường tại cơ sở sản xuất hàng đóng gói sẵn***

Trong quá trình kiểm tra, Đoàn kiểm tra ghi nhận hầu hết các cơ sở sản xuất hàng đóng gói sẵn đã thực hiện đúng các quy định về đo lường trong sản xuất hàng đóng gói sẵn. Tuy nhiên, một số cơ sở chưa lưu giữ đầy đủ hồ sơ phê duyệt mẫu đối với cân ô tô. Đoàn kiểm tra đã kiến nghị cơ sở lưu giữ hồ sơ và thực hiện đầy đủ biện pháp đảm bảo đo lường trong sản xuất, kinh doanh HĐGS theo quy định.

Qua công tác kiểm tra đã kịp thời ngăn chặn, phát hiện và xử lý những sai phạm, đồng thời tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn cho các cơ sở sản xuất trong tỉnh thực hiện đúng các yêu cầu kỹ thuật đo lường đối với lượng của HĐGS theo quy định của pháp luật, góp phần bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của tổ chức và cá nhân trong các giao dịch kinh tế, dân sự, ổn định tình hình an ninh, trật tự xã hội tại địa phương./.

***Phạm Sao – Phòng Quản lý Đo lường***

## **TRUY XUẤT NGUỒN GỐC TRONG NỀN KINH TẾ SỐ**

Trong kỷ nguyên số, khi người tiêu dùng ngày càng quan tâm đến xuất xứ, chất lượng và độ tin cậy của sản phẩm, truy xuất nguồn gốc không còn là công cụ mang tính khuyến khích, mà đang trở thành yêu cầu tất yếu trong quản lý, sản xuất và lưu thông hàng hóa. Từ những mã QR quen thuộc trong đời sống hằng ngày đến các hệ thống truy xuất tích hợp dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo và blockchain, truy xuất nguồn gốc đang từng bước làm thay đổi thói quen tiêu dùng, đồng thời đặt ra những yêu cầu mới đối với doanh nghiệp và công tác quản lý thị trường.

Chỉ vài năm trước, phần lớn người tiêu dùng Việt Nam lựa chọn hàng hóa dựa trên giá cả, mẫu mã và thương hiệu quen thuộc. Tuy nhiên, trong bối cảnh hàng giả, hàng nhái và gian lận thương mại ngày càng tinh vi, yếu tố “niềm tin” đã trở thành tiêu chí then chốt trong hành vi mua sắm.

Việc quét mã QR để kiểm tra thông tin sản phẩm tại siêu thị, cửa hàng tiện lợi hay chợ truyền thống đang dần trở thành thói quen. Chỉ với một chiếc điện thoại thông minh, người mua có thể biết sản phẩm được sản xuất ở đâu, bởi doanh nghiệp nào, quy trình đóng gói - vận chuyển ra sao, thậm chí theo dõi toàn bộ hành trình lưu thông của hàng hóa.



*Truy xuất nguồn gốc không còn là công cụ mang tính khuyến khích, mà đang trở thành yêu cầu tất yếu trong quản lý, sản xuất và lưu thông hàng hóa. Ảnh minh họa*

Sự thay đổi trong hành vi tiêu dùng đang tạo sức ép ngược trở lại đối với doanh nghiệp và cơ quan quản lý, buộc chuỗi cung ứng phải minh bạch hơn nếu muốn tồn tại và phát triển bền vững. Trong thương mại hiện đại, truy xuất nguồn gốc (TXNG) không còn đơn thuần là công cụ marketing mà đã trở thành yêu cầu bắt buộc nhằm bảo đảm chất lượng hàng hóa, chống gian lận thương mại và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. TXNG không đơn thuần là một “mã trên bao bì”, mà là cơ chế thể hiện đầy đủ hành trình của sản phẩm theo nguyên tắc “một bước trước, một bước sau”: từ nguyên liệu đầu vào (vùng trồng/vùng chăn nuôi), qua sản xuất, kho

vận, logistics, phân phối, đến điểm bán và người tiêu dùng. Khi hệ thống vận hành đúng nghĩa, cơ quan quản lý có thể xác định được cơ sở sản xuất đã làm ra bao nhiêu sản phẩm, lô hàng đi qua những khâu nào, ai vận chuyển, đang ở hệ thống bán lẻ nào... qua đó hỗ trợ đối chiếu và nhận diện rủi ro gian lận, hàng giả.

Ở nước ta, lĩnh vực này được thúc đẩy mạnh mẽ kể từ khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án 100: “Triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc”. Việc triển khai truy xuất nguồn gốc hàng hoá tại địa phương đã có nhiều chuyển biến tích cực. Công tác chỉ đạo triển khai tại địa phương đạt phạm vi bao phủ toàn diện. Đến năm 2025, toàn bộ 34 tỉnh/thành phố mới sau sắp xếp đơn vị hành chính đều đã ban hành kế hoạch triển khai Đề án. 100% địa phương đã xác định nhóm sản phẩm chủ lực hoặc sản phẩm OCOP làm trọng tâm triển khai áp dụng TXNG; trên 25.000 doanh nghiệp áp dụng hệ thống TXNG.

Các địa phương đã triển khai nhiều hình thức hỗ trợ thiết thực, trong đó phổ biến nhất là cấp tem, mã QR, hỗ trợ chi phí áp dụng và hỗ trợ kỹ thuật. Tổng lượng tem, mã TXNG được cấp vượt 20 triệu tem, phản ánh quy mô hỗ trợ lớn và nhu cầu ứng dụng TXNG ngày càng tăng. Tại các địa phương có thế mạnh công nghiệp và dịch vụ, sự hỗ trợ được triển khai ở quy mô lớn hơn. TP. Hà Nội đã hỗ trợ hơn 3.000 doanh nghiệp sản xuất, chế biến triển khai hệ thống TXNG, TP.HCM đã phối hợp, hỗ trợ với hơn 500 doanh nghiệp và hàng nghìn hợp tác xã, hộ kinh doanh triển khai TXNG trong các lĩnh vực nông sản, thực phẩm chế biến và dược phẩm. Công tác tuyên truyền, đào tạo được triển khai rộng khắp: Cả nước tổ chức trên 10.000 Khóa đào tạo liên quan đến truy xuất nguồn gốc với trên 1 triệu lượt tham gia cả trực tiếp và trực tuyến.

Công thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa Quốc gia đã chính thức được đưa vào vận hành từ 1/10/2024, đóng vai trò cầu nối để kết nối tất cả thành phần tham gia trong chuỗi cung ứng, giữa các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp. Hiện đã có 13 tỉnh/thành phố có hệ thống quản lý thông tin TXNG kết nối kỹ thuật với Cổng trong đó 4 tỉnh, thành phố kết nối và chia sẻ dữ liệu với Cổng bao gồm: Lào Cai, Hưng Yên, An Giang, Cần Thơ; 100% doanh nghiệp sử dụng mã số mã vạch Việt Nam (đầu mã 893) với trên 1,9 triệu sản phẩm đã được định danh trên Cổng, hơn 5000 sản phẩm đủ chuỗi được kết nối và chia sẻ dữ liệu với Cổng.

Về tiêu chuẩn quốc gia, Bộ Khoa học và Công nghệ đã công bố 35 tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) về TXNG và mã truy vết, định danh sử dụng trong TXNG. Bao gồm các nhóm tiêu chuẩn về: mã truy vết, định danh; tiêu chuẩn quy định chung cho hệ thống TXNG; tiêu chuẩn TXNG cho sản phẩm thịt gia súc, gia cầm, sữa và các sản phẩm từ sữa, thủy sản... Các tiêu chuẩn này đã bao phủ hầu hết các nhóm sản phẩm chủ lực cũng như yêu cầu đối với hệ thống. Đây là bước tiến quan trọng trong việc xây dựng nền tảng kỹ thuật, giúp các địa phương triển khai thống nhất, đồng bộ.

Về pháp luật, với việc đã ban hành Thông tư số 02/2024/TT-BKHHCN và công bố 35 TCVN về TXNG, khung pháp lý và tiêu chuẩn đã được hoàn thiện ở mức độ cao. Đặc biệt, việc Quốc hội thông qua Luật số 78/2025/QH15 (sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa) và Luật số 70/2025/QH15 (sửa đổi, bổ sung Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật) đã nâng tầm TXNG từ mức quy định dưới luật lên thành cơ sở pháp lý có hiệu lực cao, tạo sự thống nhất và cam kết lâu dài. Chính phủ đã ban hành Nghị định hướng dẫn thi hành Luật tạo cơ sở pháp lý để từng bước áp dụng TXNG như một yêu cầu bắt buộc đối với nhóm hàng hóa rủi ro. Trong đó bổ sung nhiều nội dung liên quan trực tiếp đến quản lý và tổ chức thực hiện TXNG. Đây sẽ là hành lang pháp lý thống nhất, tạo cơ sở để áp dụng TXNG bắt buộc với nhóm sản phẩm có rủi ro cao.

Không chỉ phục vụ quản lý nhà nước, TXNG đang dần được doanh nghiệp nhìn nhận như một khoản đầu tư dài hạn cho thương hiệu. Việc minh bạch dữ liệu giúp doanh nghiệp nâng cao uy tín, tạo lợi thế cạnh tranh và từng bước chuyển dịch từ xuất khẩu dựa trên sản lượng sang cạnh tranh bằng chất lượng, dữ liệu và độ tin cậy. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển nhanh chóng, TXNG tại Việt Nam cũng đối mặt với nhiều thách thức, trong bối cảnh nhiều thị trường lớn đang triển khai hộ chiếu số sản phẩm và yêu cầu truy xuất bắt buộc, Việt Nam cần nâng TXNG lên tầm một hệ thống quản lý quốc gia thống nhất. Điều này không chỉ phục vụ quản lý trong nước mà còn đóng vai trò như “tấm vé thông hành” để hàng hóa Việt Nam tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu. Thứ nhất là phải xây dựng hệ thống TXNG quốc gia đạt mức chuẩn hoá dữ liệu liên thông đa ngành, kết nối quốc tế, ứng dụng mạnh mẽ AI, Blockchain, IOT và tích hợp các nền tảng số quốc gia. Thứ hai là phải đảm bảo mọi ngành hàng chủ lực từ nông nghiệp, công nghiệp, dược phẩm tới hàng tiêu dùng...đều phải đều phải áp dụng TXNG theo tiêu chuẩn quốc gia thống nhất. Thứ ba là những định hướng này cần phải được triển khai nhanh hơn, quyết liệt hơn và đồng bộ hơn. Thứ tư là trong thời gian tới Đề án 100 phải chuyển từ triển khai sang đột phá và chuyển từ thí điểm sang chuẩn hoá. Thứ năm là cần phải chuyển từ kết nối kỹ thuật sang liên thông dữ liệu quốc gia. Nếu không có sự liên thông, không đảm bảo sự liên thông của dữ liệu lớn thì không thể kết nối với quốc tế. Do đó cần phải lan toả để tất cả các ngành hàng đều có cơ hội tham gia vào truy xuất sản phẩm hàng hoá. Đặc biệt phải kiến tạo được hệ thống truy xuất mà ở đó doanh nghiệp phải cảm thấy có lợi ích để họ tham gia vào.

Trên cơ sở những kết quả đã đạt được trong thời gian qua, đồng thời xuất phát từ yêu cầu hội nhập quốc tế và nhu cầu phát triển bền vững trong nước, hệ thống TXNG của Việt Nam trong giai đoạn tới cần được tiếp tục hoàn thiện và mở rộng. Định hướng trọng tâm là xây dựng và vận hành hệ thống TXNG thống nhất, minh bạch, hiệu quả, bảo đảm tính tương thích với chuẩn mực quốc tế, phục vụ đồng thời yêu cầu quản lý nhà nước, hoạt động sản xuất – kinh doanh và quyền lợi người tiêu dùng.

Trong giai đoạn tới, các bộ, ngành cần tiếp tục rà soát, ban hành danh mục sản phẩm bắt buộc áp dụng TXNG theo mức độ rủi ro, tiêu chuẩn và quy chuẩn quốc gia mới, đặc biệt là những tiêu chuẩn liên quan đến công nghệ số nhằm bảo đảm tính tương thích với hệ thống GS1 toàn cầu, cũng như đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế. Toàn bộ 34 tỉnh/thành phố mới cần tiếp tục thực hiện kế hoạch triển khai Đề án 100 theo hướng gắn kết chặt chẽ với chương trình chuyển đổi số và phát triển kinh tế số tại địa phương. Các địa phương phải xác định rõ danh mục sản phẩm chủ lực, sản phẩm xuất khẩu làm trọng tâm triển khai áp dụng TXNG. Trọng điểm trong giai đoạn tới là mở rộng phạm vi TXNG: từ nhóm sản phẩm nông nghiệp và thực phẩm sang dược phẩm, thủy sản, hàng công nghiệp và dịch vụ có tiềm năng. Việc triển khai cần linh hoạt, phù hợp điều kiện từng địa phương, đồng thời bảo đảm sự đồng đều giữa các vùng, tránh tình trạng chênh lệch rõ rệt.

Doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ sản xuất là lực lượng trực tiếp vận hành hệ thống TXNG. Vì vậy, cần tiếp tục xây dựng cơ chế hỗ trợ bền vững: Hỗ trợ tài chính thông qua cấp tem, mã truy xuất, đặc biệt ưu tiên cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã và khu vực miền núi, vùng khó khăn. Hỗ trợ kỹ thuật và đào tạo, bao gồm các gói tư vấn, chuyển giao công nghệ và giải pháp phần mềm. Khuyến khích áp dụng công nghệ mới trong quản lý chuỗi cung ứng như IoT, blockchain, dữ liệu lớn nhằm nâng cao tính minh bạch và khả năng cạnh tranh của sản phẩm Việt Nam. Cần mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền, đào tạo về TXNG. Ngoài các hình thức truyền thống (hội nghị, tập huấn), cần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ truyền thông số, nền tảng mạng xã hội và giáo dục trực tuyến. Việc lồng ghép TXNG vào

các chương trình giáo dục phổ thông, đào tạo nghề, chương trình OCOP cần được triển khai bài bản, qua đó nâng cao nhận thức cộng đồng, hình thành thói quen sản xuất – kinh doanh minh bạch, hướng tới tiêu chuẩn quốc tế.

Nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn tới là đẩy nhanh tiến độ kết nối và chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống TXNG cấp tỉnh với Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa TXNG quốc gia. Bộ KH&CN cần chủ trì phối hợp với các bộ, ngành và địa phương để: Hoàn thiện hạ tầng công nghệ, bảo đảm khả năng liên thông, tích hợp và khai thác dữ liệu với mục tiêu: Ít nhất 80% dữ liệu TXNG của các ngành hàng trọng điểm được chia sẻ lên Cổng thông tin TXNG sản phẩm, hàng hoá Quốc gia. Tiếp tục mở rộng hợp tác với GS1 toàn cầu, FAO, WHO, ADB, UNIDO, USAID và các tổ chức quốc tế khác nhằm cập nhật xu hướng, chuẩn mực mới về TXNG, đồng thời thúc đẩy cơ chế liên thông về thông tin TXNG trong thương mại quốc tế. Việt Nam cần chủ động tham gia nhóm xây dựng tiêu chuẩn quốc tế của GS1, đặc biệt trong lĩnh vực thương mại điện tử, logistics chuỗi lạnh, y tế và mã định danh sản phẩm. Đồng thời, đẩy mạnh hợp tác song phương và đa phương với các quốc gia đối tác thương mại lớn, tạo thuận lợi để nông sản, thủy sản và hàng hóa Việt Nam đáp ứng yêu cầu nhập khẩu khắt khe, thâm nhập bền vững vào thị trường quốc tế.

Trong bối cảnh chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ, TXNG đang vượt ra khỏi vai trò một công cụ kỹ thuật để trở thành nền tảng của quản lý hiện đại và thương mại minh bạch. Khi mỗi sản phẩm được gắn một “căn cước số” rõ ràng và đáng tin cậy, niềm tin của người tiêu dùng được củng cố, năng lực quản trị của doanh nghiệp được nâng cao và hiệu quả quản lý nhà nước được tăng cường, tạo nền tảng cho một nền kinh tế số minh bạch, bền vững và hội nhập sâu rộng.

*Trịnh Đình Thế - Chi cục Tiêu chuẩn, Đo lường và Chất lượng*

**HỘI THẢO “ĐÁNH GIÁ, TỔNG KẾT THI HÀNH LUẬT ĐO LƯỜNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG SỬA ĐỔI MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT ĐO LƯỜNG; LỄ KỶ NIỆM NGÀY ĐO LƯỜNG VIỆT NAM”**

Ngày 16/01/2026, Sở Khoa học và Công nghệ Ninh Bình phối hợp với Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia tổ chức Hội thảo “Đánh giá, tổng kết thi hành pháp luật đo lường và định hướng sửa đổi một số điều của Luật Đo lường và Lễ kỷ niệm Ngày Đo lường Việt Nam (20/1)”.

Đến dự Hội thảo có ông Nguyễn Nam Hải, Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn đo lường chất lượng Quốc gia; ông Trần Quý Giàu, Trưởng ban Ban Đo lường của Ủy ban Tiêu chuẩn đo lường chất lượng Quốc gia; ông Vũ Trọng Quế, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Ninh Bình và gần 300 đại biểu đại diện Viện Đo lường Việt Nam; Hội Đo lường Việt Nam; Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh, thành phố; các nhà khoa học, các tổ chức doanh nghiệp.



**Ông Nguyễn Nam Hải, Chủ tịch Ủy ban TCDLCL Quốc gia, phát biểu khai mạc Hội nghị**

Phát biểu khai mạc Hội nghị, ông Nguyễn Nam Hải, Chủ tịch Ủy ban TCDLCL Quốc gia cho biết năm 2025 đánh dấu nhiều thay đổi quan trọng trong tổ chức bộ máy và phương thức quản lý nhà nước, việc hoàn thiện thể chế, chính sách pháp luật tiếp tục được Đảng, Nhà nước và Chính phủ đặc biệt quan tâm nhằm tháo gỡ điểm nghẽn, tạo dư địa mới cho phát triển kinh tế - xã hội, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Đặc biệt, Nghị quyết 57-NQ/TW của Bộ Chính trị đã xác định khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là động lực then chốt, chuyển đổi số là phương thức phát triển mới. Trong tiến trình đó, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng giữ vai trò nền tảng, là hạ tầng kỹ thuật bảo đảm tính tin cậy, minh bạch và khả năng hội nhập của nền kinh tế số, xã hội số. Cùng với đó, Chỉ thị 38-CT/TW của Ban Bí thư tiếp tục đặt ra yêu cầu

hoàn thiện thể chế, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước và đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

Theo ông Trần Quý Giàu, Trưởng Ban Đo lường cho biết hệ thống pháp luật hiện hành về đo lường gồm 1 luật, 6 nghị định và 14 thông tư. Hệ thống này đã góp phần bảo đảm tính chính xác, thống nhất trong hoạt động đo lường; bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; bảo đảm công bằng trong thương mại và phù hợp với thông lệ quốc tế. Tuy nhiên, Luật Đo lường hiện hành vẫn còn một số điểm chưa phù hợp. Luật chưa làm rõ vai trò của đo lường khoa học và đo lường ứng dụng; chưa đặt doanh nghiệp vào vị trí trung tâm của hệ thống đo lường quốc gia; thiếu cơ sở pháp lý cho chuyển đổi số trong đo lường; một số quy định chưa phù hợp với mô hình chính quyền hai cấp, còn chồng chéo và thủ tục phức tạp.



***Ông Nguyễn Toàn Thắng, Phó Giám đốc Sở KH&CN Ninh Bình,  
phát biểu tại Hội nghị***

Phát biểu tại Hội nghị, ông Nguyễn Toàn Thắng, Phó Giám đốc Sở KH&CN Ninh Bình, cho biết cần quy định về yêu cầu đo lường đối với thuật toán, dữ liệu, phần mềm sử dụng trong hoạt động đo lường để tạo cơ sở pháp lý kiểm soát tính chính xác của các phép đo dựa trên công nghệ số. Ngoài ra, cần quy định chi tiết về cơ chế phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước về đo lường cho địa phương, kèm theo các quy định về nguồn lực tương ứng. Điều này nhằm nâng cao vai trò chủ động của UBND các cấp trong quản lý đo lường trên địa bàn, đặc biệt trong công tác thanh tra, kiểm tra.

Từ thực tiễn đó, tại Hội nghị các đại biểu đã đề xuất 3 nhóm chính sách trọng tâm cần sửa đổi, bổ sung trong Luật Đo lường trong thời gian tới. Cụ thể, hoàn thiện hệ thống đo lường khoa học, phát triển đo lường ứng dụng, lấy doanh nghiệp làm chủ thể trung tâm; đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện trong hoạt động đo lường nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, sản xuất - kinh doanh, thương mại và tiêu dùng trong bối cảnh kinh tế số; đồng thời tăng cường phân cấp, phân quyền, kiến tạo năng lực đo lường từ cơ sở, qua đó nâng cao hiệu quả quản lý và bảo vệ tốt hơn quyền lợi người tiêu dùng.



*Ông Vũ Trọng Quế, TUV, Giám đốc Sở KH&CN Ninh Bình thay mặt UBND tỉnh tặng hoa chúc mừng Hội nghị*



*Lãnh đạo Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia tặng kỷ niệm chương cho các tổ chức, cá nhân có đóng góp xuất sắc cho sự nghiệp Đo lường Việt Nam*

Trong khuôn khổ Hội nghị, Ủy ban Tiêu chuẩn đo lường chất lượng Quốc gia đã tổ chức Kỷ niệm 76 năm "Ngày Đo lường Việt Nam" và trao tặng kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp đo lường" cho các tập thể, cá nhân có đóng góp xuất sắc cho sự nghiệp Đo lường Việt Nam./.

*Đoàn Sỹ Hoàn - Phòng Quản lý Tiêu chuẩn Chất lượng*

## QUY ĐỊNH CHI TIẾT VÀ HƯỚNG DẪN THI HÀNH LUẬT TIÊU CHUẨN VÀ QUY CHUẨN KỸ THUẬT

Ngày 16 tháng 01 năm 2026, Chính phủ ban hành Nghị định số 22/2026/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, trong đó nhấn mạnh xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.



### *Ảnh minh họa*

Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật (sau đây gọi là Nghị định) được xem là bước hoàn thiện quan trọng về thể chế, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập sâu rộng của nền kinh tế. Nghị định này gồm 7 chương, 71 điều quy định chi tiết một số điều của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 70/2025/QH15 (sau đây gọi là Luật) và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật. Nội dung nghị định bao quát nhiều lĩnh vực then chốt, từ xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đến đo lường, đánh giá sự phù hợp và quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Trong đó, đáng chú ý là các quy định về cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Theo đó, cơ sở dữ liệu này được xác định là nền tảng số thống nhất, hiện đại, có chức năng tích hợp, quản lý và chia sẻ dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước, đồng thời cung cấp thông tin hỗ trợ tổ chức, cá nhân theo quy định pháp luật.

Theo đó, Nghị định nêu trên quy định cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng là nền tảng số thống nhất, hiện đại, tích hợp dữ liệu liên quan, phục vụ công tác quản lý nhà nước và cung cấp thông tin hỗ trợ tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật. Cơ sở dữ

liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng không áp dụng đối với đối tượng là sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường thuộc danh mục bí mật nhà nước.

Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng là một cấu phần thuộc nền tảng số quản lý hạ tầng chất lượng quốc gia được xây dựng, vận hành, duy trì để phục vụ quản lý nhà nước, doanh nghiệp, người tiêu dùng và quản lý hạ tầng chất lượng quốc gia theo quy định pháp luật.

Nghị định quy định nguyên tắc xây dựng, cập nhật, quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, cụ thể như sau:

- Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng được xây dựng, quản lý theo hướng kết nối, tập trung, thống nhất, đồng bộ từ trung ương đến địa phương;

- Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng được xây dựng, cập nhật nhằm cung cấp, chia sẻ, đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin về hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, phục vụ hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của người dân, doanh nghiệp;

Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng đáp ứng các yêu cầu xây dựng, áp dụng, phổ biến, quản lý tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng bảo đảm hoạt động ổn định, liên tục, mức độ sẵn sàng của hệ thống; bảo đảm an ninh, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu tổ chức, cá nhân, thuận lợi cho việc thu thập, cập nhật, điều chỉnh, tra cứu, khai thác, sử dụng; bảo đảm kết nối, chia sẻ, quyền khai thác thông tin với Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và hệ thống thông tin khác;



*Ảnh minh họa*

Nghị định quy định dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, bao gồm 07 thông tin chính sau:

- Dữ liệu về tiêu chuẩn bao gồm: danh mục về tiêu chuẩn quốc gia; điểm truy xuất tới cơ sở dữ liệu về tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài; thông tin về tiêu chuẩn cơ sở của các tổ chức, hội, hiệp hội, doanh nghiệp; danh sách các tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về tiêu chuẩn; kết quả rà soát, đánh giá hiệu quả việc áp dụng tiêu chuẩn quốc gia;

- Dữ liệu về quy chuẩn kỹ thuật bao gồm: danh mục quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và nội dung của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng; danh mục quy chuẩn kỹ thuật địa phương và nội dung của quy chuẩn kỹ thuật địa phương tương ứng; danh sách các tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về quy chuẩn kỹ thuật; kết quả rà soát, đánh giá hiệu quả việc áp dụng quy chuẩn kỹ thuật;

- Dữ liệu về Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia bao gồm: danh sách các Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia; danh sách thành viên Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia bao gồm: họ tên, học hàm, học vị, thành viên; quá trình công tác; kinh nghiệm công tác; thời hạn hoạt động; các tiêu chuẩn đã tham gia xây dựng; danh sách chuyên gia Việt Nam tham gia vào các Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc tế; danh sách các tiêu chuẩn quốc tế mà thành viên Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia đã tham gia xây dựng;

- Dữ liệu về đo lường bao gồm: danh mục các chuẩn đo lường đã được chứng nhận, phê duyệt; danh mục các phương tiện đo đã được phê duyệt mẫu; danh sách kiểm định viên đo lường; danh sách các tổ chức đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; danh sách các tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm được chỉ định; thông tin về hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo nhóm 2 do tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm được chỉ định thực hiện; thông tin về hoạt động hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo nhóm 1 do các tổ chức đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường thực hiện; danh sách các tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về đo lường;

- Dữ liệu về hoạt động đánh giá sự phù hợp bao gồm: danh sách tổ chức công nhận đã đăng ký; danh sách tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định, danh sách tổ chức đánh giá sự phù hợp đã đăng ký, danh sách tổ chức đánh giá sự phù hợp được công nhận; danh sách công bố hợp chuẩn đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình, môi trường, đối tượng khác trong hoạt động kinh tế - xã hội của tổ chức, cá nhân có liên quan (thông tin bao gồm: tên sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình, môi trường, đối tượng khác trong hoạt động kinh tế - xã hội; tên, số hiệu tiêu chuẩn tương ứng; tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình, môi trường, đối tượng khác trong hoạt động kinh tế - xã hội; tài liệu kỹ thuật liên quan kèm theo); danh sách công bố hợp quy đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình, môi trường, đối tượng khác trong hoạt động kinh tế - xã hội của tổ chức, cá nhân có liên quan (thông tin bao gồm: tên sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình, môi trường, đối tượng khác trong hoạt động kinh tế - xã hội; tên, số hiệu tiêu chuẩn tương ứng; tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình, môi trường, đối tượng khác trong hoạt động kinh tế - xã hội; tài liệu kỹ thuật liên quan kèm theo); thông tin về hoạt động chứng nhận hợp chuẩn, thử nghiệm, giám định, xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận do các tổ chức đánh giá sự phù hợp thực hiện; thông tin về hoạt động chứng nhận hợp quy do tổ chức chứng nhận được chỉ định thực hiện; thông tin về hoạt động công nhận tổ chức đánh giá sự phù hợp của tổ chức công nhận; danh sách các tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về đánh giá sự phù hợp.

- Dữ liệu về thông báo và hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại của quốc gia bao gồm thông tin sau: nội dung cam kết rào cản kỹ thuật đối với thương mại (TBT) hoặc tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy trình đánh giá sự phù hợp (STRACAP) trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; danh mục thông báo, hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại của Việt Nam; tin tức về hàng rào kỹ thuật trong thương mại.

- Thông tin phản ánh, xử lý kiến nghị của tổ chức, cá nhân về hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

Hạ tầng công nghệ thông tin của Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng bao gồm các thành phần sau: hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin; nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu; hệ thống cơ sở dữ liệu; hệ thống phân tích dữ liệu phục vụ công tác quản lý; hệ thống, phần mềm quản lý, khai thác, cung cấp dịch vụ. Ngoài ra, Nghị định cũng quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan trong xây dựng, vận hành, cập nhật Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

Với những quy định toàn diện và chi tiết, Nghị định số 22/2026/NĐ-CP được kỳ vọng sẽ góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, thúc đẩy minh bạch thông tin, hỗ trợ doanh nghiệp và người dân, đồng thời nâng cao năng lực hạ tầng chất lượng quốc gia trong giai đoạn phát triển mới.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Các Nghị định, quy định dưới đây hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành: Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật; Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp; Điều 3 Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành; Điều 51, Điều 52, Điều 53, Điều 54, Điều 55, Điều 56 và mục B Phụ lục V.1, Phụ lục V.2 của Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; Nghị định số 67/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 8 năm 2009 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Nghị định số 22/2026/NĐ-CP quy định chuyển tiếp: Các tổ chức đánh giá sự phù hợp đã được các bộ quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố tổ chức thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đánh giá sự phù hợp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, tiếp tục được thực hiện hoạt động đánh giá sự phù hợp cho đến hết thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận; Các tổ chức công nhận đã được Bộ Khoa học và Công nghệ cấp Giấy chứng nhận đăng ký lĩnh vực hoạt động trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, tiếp tục được thực hiện hoạt động công nhận cho đến hết thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận; Các cơ sở đào tạo chuyên gia đánh giá chứng nhận sản phẩm, chuyên gia đánh giá hệ thống quản lý đã được cơ quan, người có thẩm quyền cấp Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố năng lực thực hiện hoạt động đào tạo trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, tiếp tục được thực hiện hoạt động đào tạo cho đến hết thời hạn hiệu lực của Thông báo; Đối với đơn, hồ sơ đăng ký hoạt động đánh giá sự phù hợp, cơ sở đào tạo chuyên gia đánh giá chứng nhận sản phẩm, chuyên gia đánh giá hệ thống quản lý đã được cơ quan, người có thẩm quyền tiếp nhận trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực nhưng chưa được giải quyết xong, thì cơ quan, người có thẩm quyền tiếp tục xử lý theo quy định của pháp luật tại thời điểm tiếp nhận, đơn, hồ sơ./.

***Trịnh Đình Thế - Chi cục Tiêu chuẩn, Đo lường và Chất lượng***

**MỘT SỐ CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ TÀI CHÍNH TRONG HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH BÌNH**

Ngày 09/12/2025, Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành Nghị Quyết số 43/NQ-HĐND ban hành quy định một số chính sách hỗ trợ tài chính trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. Nghị quyết này đã quy định một số chính sách hỗ trợ tài chính trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. Cụ thể như sau:

Hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng tiêu chuẩn; quy chuẩn kỹ thuật; hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng; công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh: Hỗ trợ 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp xây dựng, áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng cơ bản, áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng đặc thù cho ngành, lĩnh vực, tiêu chuẩn về các hệ thống quản lý mới được công bố; Hỗ trợ 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp xây dựng và áp dụng các công cụ cải tiến nâng cao năng suất chất lượng cơ bản, áp dụng các công cụ cải tiến năng suất chất lượng đặc thù cho ngành, lĩnh vực, tiêu chuẩn về các hệ thống quản lý mới được công bố; Hỗ trợ 20 triệu đồng/sản phẩm/năm/doanh nghiệp có sản phẩm, hàng hóa được chứng nhận phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn quốc tế; Hỗ trợ 30 triệu đồng/năm/doanh nghiệp chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm, môi trường, năng lượng, an toàn và sức khỏe nghề nghiệp phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế; Hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa, cụ thể: Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa, áp dụng thực hành nông nghiệp tốt (G.A.P), thực hành sản xuất nông nghiệp hữu cơ, năng suất xanh nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng. Hỗ trợ 30 triệu đồng/năm/doanh nghiệp chứng nhận hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế; Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số để thiết lập, tối ưu hóa, hiện đại hóa hệ thống quản trị doanh nghiệp; áp dụng tiêu chuẩn, công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng.

Hỗ trợ các hoạt động bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ: Đăng ký bảo hộ đối với sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu; đăng ký bảo hộ, công nhận giống cây trồng mới: Đối với đăng ký bảo hộ trong nước: Đối với đơn đăng ký bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích và đăng ký bảo hộ, công nhận giống cây trồng mới: 30 triệu đồng/đơn; Đối với đơn đăng ký bảo hộ kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu: 15 triệu đồng/văn bằng bảo hộ. Đối với đăng ký bảo hộ ở nước ngoài: 60 triệu đồng/đơn được chấp nhận hợp lệ, các văn bản tương ứng theo quy định của tổ chức quốc tế hoặc quốc gia nộp đơn. Hỗ trợ kinh phí tổ chức trưng bày, triển lãm phân biệt sản phẩm được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và sản phẩm xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ: Hỗ trợ tối đa không quá 10 triệu đồng/1 đơn vị tham gia. Hỗ trợ thiết kế kênh thông tin điện tử, hệ thống nhận diện thương hiệu cho sản phẩm: 40 triệu đồng/tổ chức hoặc cá nhân.

Hỗ trợ tham gia Giải thưởng Chất lượng quốc gia, Giải thưởng Chất lượng quốc tế, các giải thưởng khoa học và công nghệ, các giải thưởng bình chọn về chất lượng và thương hiệu, các hội chợ triển lãm liên quan đến lĩnh vực khoa học và công nghệ: Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng hồ sơ, chi phí tham gia Giải thưởng Chất lượng quốc gia, Giải thưởng Chất lượng quốc tế: Hỗ trợ 25 triệu đồng/cơ sở đạt giải thưởng chất lượng quốc gia, hỗ trợ 30 triệu đồng/cơ sở đạt

giải thưởng chất lượng quốc tế. Hỗ trợ chi phí xây dựng hồ sơ và chi phí tham gia các giải thưởng khoa học và công nghệ, các giải thưởng bình chọn về chất lượng và thương hiệu: Hỗ trợ 15 triệu đồng/cơ sở đạt các giải thưởng về khoa học và công nghệ, hỗ trợ 20 triệu đồng/cơ sở đạt các giải thưởng bình chọn về chất lượng và thương hiệu. Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng hồ sơ, chi phí tham gia các hội chợ triển lãm liên quan đến lĩnh vực khoa học và công nghệ: Hỗ trợ 20 triệu đồng/cơ sở/lần tham gia Chợ công nghệ và thiết bị hoặc Hội chợ triển lãm tổ chức tại Việt Nam, hỗ trợ 45 triệu đồng/cơ sở/lần tham gia Chợ Công nghệ và Thiết bị hoặc Hội chợ triển lãm tổ chức tại nước ngoài.

Hỗ trợ đổi mới, tiếp nhận chuyển giao công nghệ: Hợp đồng tư vấn xây dựng, thiết lập và đăng ký Hợp đồng chuyển giao công nghệ tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền được hỗ trợ với mức 50% giá trị hợp đồng tư vấn, nhưng tối đa không quá 10 triệu đồng/hồ sơ đăng ký chứng nhận Hợp đồng chuyển giao công nghệ. Đối với hoạt động đổi mới công nghệ, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, hoàn thiện công nghệ có chi phí dưới 500 triệu đồng được hỗ trợ đến 25% giá trị phần công nghệ được đổi mới, cải tiến, áp dụng giải pháp hợp lý hóa sản xuất, hoàn thiện theo dự toán đã được thẩm định phê duyệt, nhưng tối đa không quá 100 triệu đồng.

Hỗ trợ hoạt động phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo: Hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức tham gia sự kiện ngày hội đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, tham gia hội chợ triển lãm xúc tiến thương mại: Hỗ trợ chi phí thuê địa điểm, thiết kế và dàn dựng gian hàng, vận chuyển sản phẩm trưng bày, chi phí đi lại, chi phí ăn, ở cho đại diện của doanh nghiệp tham gia hội chợ triển lãm xúc tiến thương mại nhưng không quá 30 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với sự kiện tổ chức trong nước và không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với sự kiện tổ chức ở nước ngoài. Hỗ trợ tổ chức các sự kiện ngày hội đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh; Chi giải thưởng cho các tổ chức, cá nhân đạt giải tại cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cấp tỉnh tổ chức: Giải nhất: 40 triệu đồng/giải; Giải nhì: 32 triệu đồng/giải; Giải ba: 24 triệu đồng/giải; Giải khuyến khích: 08 triệu đồng/giải.

Ngoài ra, Nghị quyết cũng quy định hỗ trợ phát triển hoạt động đào tạo, nâng cao năng lực và dịch vụ cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; Hỗ trợ phát triển cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; Hỗ trợ hoạt động truyền thông về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; Hỗ trợ hoạt động kết nối mạng lưới khởi nghiệp; Hỗ trợ kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo để kết nối các mạng lưới khởi nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp, đầu tư mạo hiểm ở trong nước, với khu vực và thế giới; Hỗ trợ kinh phí thuê chuyên gia kết nối các mạng lưới khởi nghiệp, sự kiện khởi nghiệp, kết nối với các chuyên gia khởi nghiệp trong khu vực và trên thế giới; Hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo ...

Đối tượng áp dụng đối với các cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, hợp tác xã, làng nghề, hội, hiệp hội, tổ chức và cá nhân có hoạt động liên quan trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Các tổ chức, cá nhân được hưởng chính sách hỗ trợ phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu sau: Đang hoạt động sản xuất, kinh doanh và tuân thủ đầy đủ các quy định hiện hành của nhà nước. Không nằm trong các chương trình, dự án, kế hoạch khác và đang được ngân sách nhà nước hỗ trợ đối với các nội dung được hỗ trợ quy định tại Quy định này.

Nghị Quyết số 43/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành từ ngày 09/12/2025.

***Trịnh Đình Thế - Chi cục Tiêu chuẩn, Đo lường và Chất lượng***

**QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP ĐỂ TỔ CHỨC, HƯỚNG DẪN  
THI HÀNH LUẬT CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA**

Ngày 23/01/2026, Chính phủ ban hành Nghị định số 37/2026/NĐ-CP về Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Nghị định gồm có 8 Chương và 99 điều. Trong đó, có một số nội dung nổi bật sau:

Về phạm vi điều chỉnh: Nghị định này quy định chi tiết Điều 5, Điều 6a, Điều 6b, Điều 6c, Điều 6đ, Điều 23b, Điều 34, Điều 34a, Điều 45, Điều 46, Điều 48, Điều 49, Điều 72 của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 78/2025/QH15 (sau đây gọi là Luật) và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa, mã số, mã vạch, cơ chế tài chính về chi phí thử nghiệm, chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy trong chương trình hỗ trợ, trình tự, thủ tục kiểm tra, miễn, giảm kiểm tra, xử lý trong quá trình kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu có mức độ rủi ro trung bình, mức độ rủi ro cao, trình tự, thủ tục kiểm tra, xử lý vi phạm chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường.

Về Đối tượng áp dụng: Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hóa và tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến chất lượng sản phẩm, hàng hóa, mã số, mã vạch, nhãn hàng hóa, hộ chiếu số, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa, đánh giá sự phù hợp và Giải thưởng chất lượng quốc gia tại Việt Nam; Tổ chức, cá nhân xuất khẩu hàng hóa phải bảo đảm hàng hóa xuất khẩu phù hợp với quy định của nước nhập khẩu, hợp đồng, các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, thỏa thuận quốc tế thừa nhận lẫn nhau về kết quả đánh giá sự phù hợp với nước, vùng lãnh thổ có liên quan và không có trách nhiệm phải tuân thủ các quy định áp dụng đối với hàng hóa đưa vào lưu thông trên thị trường nội địa Việt Nam tại Nghị định này, trừ các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 50 và khoản 2 Điều 87.

Nghị định này quy định về Nguyên tắc và phương pháp xác định mức độ rủi ro của sản phẩm, hàng hóa; Trình tự và hồ sơ xác định mức độ rủi ro của sản phẩm, hàng hóa; Cơ chế phối hợp và chia sẻ dữ liệu giữa các bộ quản lý ngành, lĩnh vực; Quy định về phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia; cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa; phân công trách nhiệm kiểm tra chất lượng sản phẩm hàng hóa; quy định về kiểm soát viên chất lượng; Ứng dụng công nghệ trong quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa; ứng dụng công nghệ để triển khai hộ chiếu số của sản phẩm và nhãn điện tử hàng hóa; Quy định về ghi nhãn hàng hóa; giải thưởng chất lượng quốc gia; quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm hàng hóa; Trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.



### ***Ứng dụng mã số, mã vạch trong quản lý chất lượng truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa***

Một trong những nội dung đáng chú ý của Nghị định là về ứng dụng công nghệ trong quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Nghị định quy định cụ thể về xây dựng và ứng dụng nền tảng công nghệ trong quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Trong đó, về ứng dụng công nghệ số để thu thập, lưu trữ và chia sẻ, Nghị định nêu rõ khuyến khích tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sử dụng mã số, mã vạch bao gồm mã hóa một chiều, mã hóa hai chiều như mã QR, mã hai chiều dạng ma trận dữ liệu (Datamatrix), công nghệ nhận dạng bằng tần số vô tuyến (RFID), công nghệ giao tiếp trường gần (NFC) và các công nghệ phù hợp khác, ưu tiên kết hợp các công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), Internet vạn vật (IoT) để thu thập, lưu trữ và chia sẻ dữ liệu về chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong toàn bộ chuỗi cung ứng. Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành hướng dẫn cung cấp thông tin về chất lượng sản phẩm, hàng hóa để thu thập, lưu trữ và chia sẻ giữa các bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương, doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế số, kinh tế tuần hoàn và hội nhập quốc tế.

Bên cạnh đó, Nghị định quy định ứng dụng mã số, mã vạch trong quản lý chất lượng, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa. Theo đó, khuyến khích tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh ứng dụng mã số, mã vạch trong quản lý chất lượng, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, dịch vụ quyết định việc ứng dụng mã số, mã vạch trên nền tảng công nghệ như công nghệ chuỗi khối (Blockchain), Internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo (AI) và các công nghệ mới khác phù hợp với nhu cầu. Khi đã lựa chọn ứng dụng mã số, mã vạch trong quản lý chất lượng, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thực hiện theo quy định liên quan tại Nghị định này.

Hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa do tổ chức, cá nhân sử dụng phải bảo đảm đầy đủ quá trình truy xuất nguồn gốc theo các quy định trong tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài, tiêu chuẩn cơ sở đáp ứng quy định pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; được công bố hợp chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

Trường hợp có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa, tổ chức, cá nhân phải thực hiện công bố hợp quy theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

Dữ liệu truy xuất nguồn gốc của sản phẩm, hàng hóa trong hệ thống truy xuất nguồn gốc bao gồm các thông tin như: Tên sản phẩm, hàng hóa; hình ảnh sản phẩm, hàng hóa; tên đơn vị sản xuất, kinh doanh; địa chỉ đơn vị sản xuất, kinh doanh; xuất xứ sản phẩm, hàng hóa; thương hiệu, nhãn hiệu, số lô/mẻ hoặc số sê-ri sản phẩm (nếu có); hạn sử dụng của sản phẩm, hàng hóa (nếu có).

Nghị định 37/2026/NĐ-CP cũng quy định về quản lý nhà nước về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa. Theo đó, Chính phủ giao Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý nhà nước về hoạt động truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa, cụ thể như sau:

Quy định hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu, xây dựng và công bố tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về mã số, mã vạch và truy xuất nguồn gốc.

Hướng dẫn nâng cao năng lực kỹ thuật cho hoạt động truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa và hỗ trợ phát triển sản phẩm, hàng hóa chủ lực, phát triển kinh tế - xã hội của các bộ có chức năng quản lý ngành, lĩnh vực và địa phương.

Vận hành, duy trì, nâng cấp, quản trị Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia; khai thác nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa phục vụ quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa, cảnh báo rủi ro và hậu kiểm; quản lý sử dụng mã truy xuất nguồn gốc, các loại mã truy vết và vật mang dữ liệu.

Quản lý tổ chức triển khai, thực hiện truy xuất nguồn gốc đối với sản phẩm, hàng hóa trong phạm vi, lĩnh vực được phân công quản lý; chủ trì, phối hợp với các bộ có chức năng quản lý ngành, lĩnh vực, địa phương thực hiện kiểm tra, xử lý vi phạm, giải quyết các khiếu nại, tố cáo về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa trong phạm vi, lĩnh vực được phân công quản lý.

Các bộ quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý tổ chức triển khai thực hiện truy xuất nguồn gốc đối với sản phẩm, hàng hóa trong phạm vi, lĩnh vực được phân công quản lý bảo đảm kết nối với Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia, thực hiện quản lý hồ sơ số của sản phẩm trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình; thực hiện kiểm tra, xử lý vi phạm, giải quyết các khiếu nại, tố cáo về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố chủ trì, phối hợp với các bộ có chức năng quản lý ngành, lĩnh vực tổ chức kiểm tra truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa tại địa phương.

Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ quản lý ngành, lĩnh vực trong việc xây dựng, vận hành, duy trì và nâng cấp nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa.

Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia và nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa được kết nối, chia sẻ dữ liệu, bảo đảm đúng mục đích, phạm vi, thẩm quyền quản lý nhà nước và bảo vệ dữ liệu.

Nghị định cũng quy định cụ thể về ứng dụng công nghệ để triển khai hộ chiếu số của sản phẩm và nhãn điện tử hàng hóa.

**Nội dung tối thiểu của hộ chiếu số của sản phẩm bao gồm:**

- Tên sản phẩm, mã số định danh sản phẩm toàn cầu (GTIN);

- Tên, địa chỉ, mã số định danh của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh sản phẩm, hàng hóa;
- Thông tin về xuất xứ của sản phẩm hoặc nơi thực hiện công đoạn cuối cùng để hoàn thiện hàng hóa;
- Thông tin về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa;
- Các chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy, chứng nhận chất lượng (nếu có);
- Ngày sản xuất, hạn sử dụng (nếu có);
- Các cảnh báo an toàn (nếu có);
- Các thông tin khác phục vụ quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước.

#### **Yêu cầu đối với hệ chiếu số sản phẩm:**

- Được thiết lập dưới dạng dữ liệu điện tử, sản phẩm được gắn với mã định danh duy nhất;
- Thông tin kê khai phải trung thực, đầy đủ, cập nhật kịp thời;
- Bảo đảm khả năng truy cập và kết nối cơ sở dữ liệu truy xuất nguồn gốc với Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia.

Nghị định nêu rõ: Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh có thể sử dụng hệ chiếu số của sản phẩm thay thế cho nhãn điện tử trong trường hợp hệ chiếu số của sản phẩm có đầy đủ các nội dung ghi nhãn bắt buộc trên nhãn điện tử theo quy định tại Nghị định này.

Căn cứ yêu cầu quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa và thông lệ quốc tế, Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các bộ có chức năng quản lý ngành, lĩnh vực trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt lộ trình áp dụng hệ chiếu số của sản phẩm đối với các sản phẩm, hàng hóa cụ thể. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh được khuyến khích sử dụng hệ chiếu số của sản phẩm.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Các Nghị định, quy định dưới đây hết hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026: Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Điều 2 Nghị định số 67/2009/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2009 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Điều 4 Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ quy định về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành; Nghị định số 13/2022/NĐ-CP ngày 21/01/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đo lường.

Từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 30/6/2026, việc phân loại sản phẩm, hàng hóa thành nhóm 1, nhóm 2 và việc áp dụng các biện pháp quản lý đối với sản phẩm, hàng hóa nhóm 1, nhóm 2 tiếp tục được thực hiện theo các văn bản quy định tại khoản 2 Điều 97 của Nghị định. Các quy định dưới đây hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu

lực thi hành: Các khoản 3, 4, 5, 6 và khoản 7 Điều 1 Nghị định số 13/2022/NĐ-CP ngày 21/01/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đo lường; Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/ 4/ 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa; Nghị định số 111/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa.

Quy định chuyên tiếp của Nghị định này có một số điểm đáng chú ý sau: Các tổ chức, cá nhân đã được Bộ Khoa học và Công nghệ cấp Giấy chứng nhận sử dụng mã số, mã vạch trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, tiếp tục được sử dụng Giấy chứng nhận này cho đến hết thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận; Các tổ chức đánh giá sự phù hợp đã được các bộ quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố cấp Quyết định chỉ định hoạt động đánh giá sự phù hợp phục vụ quản lý nhà nước trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, tiếp tục được thực hiện hoạt động đánh giá sự phù hợp cho đến hết thời hạn hiệu lực của Quyết định chỉ định; Hàng hóa có nhãn đúng quy định tại Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ quy định về nhãn hàng hóa và Nghị định số 111/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP đã được sản xuất, nhập khẩu, lưu thông, sử dụng trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành tiếp tục lưu thông, sử dụng cho đến hết hạn sử dụng ghi trên nhãn hàng hóa đó; Nhãn hàng hóa, bao bì thương phẩm gắn nhãn hàng hóa đúng quy định tại Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ quy định về nhãn hàng hóa và Nghị định số 111/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP đã được sản xuất, in ấn trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực được tiếp tục sử dụng, nhưng không quá 02 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành; Trường hợp tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa có địa chỉ thay đổi do quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về điều chỉnh địa giới hành chính, mà không làm thay đổi tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa, thì được tiếp tục sử dụng nhãn hàng hóa, bao bì của hàng hóa đã in theo địa chỉ cũ đã sản xuất, in ấn trước thời điểm quyết định điều chỉnh địa giới hành chính có hiệu lực. Thời hạn tiếp tục sử dụng nhãn hàng hóa, bao bì của hàng hóa tại khoản này không quá 02 năm kể từ ngày quyết định điều chỉnh địa giới hành chính có hiệu lực. Việc tiếp tục sử dụng nhãn theo địa chỉ cũ quy định tại khoản này không được làm phát sinh sự nhầm lẫn về tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm đối với hàng hóa và phải bảo đảm yêu cầu truy xuất nguồn gốc khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu; Công chức, viên chức, sĩ quan trong lực lượng vũ trang nhân dân và người làm công tác cơ yếu thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ tiếp tục thực hiện việc kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa cho đến khi được sắp xếp, bố trí vào vị trí việc làm hoặc thay đổi vị trí việc làm và xếp ngạch "kiểm soát viên chất lượng" tương ứng phù hợp theo quy định tại Điều 16 Nghị định này; Đối với đơn, hồ sơ đăng ký chỉ định hoạt động đánh giá sự phù hợp đã được cơ quan, người có thẩm quyền tiếp nhận trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực nhưng chưa được giải quyết xong thì cơ quan, người có thẩm quyền tiếp tục xử lý theo quy định của pháp luật tại thời điểm tiếp nhận đơn, hồ sơ; Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn được viện dẫn trong Nghị định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

*Trịnh Đình Thử - Chi cục Tiêu chuẩn, Đo lường và Chất lượng*

## QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH, HIỆU CHUẨN THỬ NGHIỆM PHƯƠNG TIỆN ĐO, CHUẨN ĐO LƯỜNG

Sau hơn 10 năm triển khai, Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN ngày 30/9/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường đã góp phần quan trọng trong việc quản lý hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo và chuẩn đo lường trên toàn quốc. Các tổ chức thực hiện các hoạt động này đã nâng cao độ tin cậy của kết quả đo lường, bảo đảm độ chính xác của phương tiện đo, qua đó bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, nâng cao uy tín doanh nghiệp, giảm rủi ro kỹ thuật và nâng cao hiệu quả sản xuất.

Tuy nhiên, trong bối cảnh cải cách thủ tục hành chính, yêu cầu đơn giản hóa hồ sơ và tối ưu thời gian xử lý, cùng với xu hướng chuyên đổi số trong hoạt động quản lý, một số quy định hiện hành đã không còn phù hợp. Do đó, việc rà soát, sửa đổi Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN là cần thiết để tạo thuận lợi hơn cho doanh nghiệp và đảm bảo phù hợp với thực tiễn quản lý nhà nước.

Ngày 31/12/2025, Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Thông tư số 54/2025/TT-BKHCN quy định chi tiết về hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo và chuẩn đo lường, có hiệu lực từ ngày 15/02/2026. Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN ngày 30/9/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư số 54/2025/TT-BKHCN có hiệu lực thi hành. Thông tư số 54/2025/TT-BKHCN hướng tới một khung pháp lý đồng bộ, minh bạch và nhất quán, giải quyết tình trạng chồng chéo văn bản, làm rõ trách nhiệm, thẩm quyền của từng cấp chính quyền. Qua đó, góp phần tăng cường hiệu quả quản lý, hỗ trợ doanh nghiệp và cơ quan chức năng trong việc thực hiện nhiệm vụ, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới.



*Ảnh minh họa*

Thông tư này quy định về hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo và chuẩn đo lường; trình tự, thủ tục chỉ định tổ chức thực hiện; chứng nhận chuẩn đo lường; cấp thẻ kiểm định viên; quản lý chứng chỉ và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân liên quan; không phát sinh thêm thủ tục hành chính hay chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp, mà cắt giảm thành phần hồ sơ, giảm thời gian xử lý, ứng dụng chuyển đổi số, đồng thời khắc phục các vướng mắc, bất cập trong quá trình triển khai thực tiễn, phù hợp với chủ trương cải cách hành chính và các Nghị quyết của Chính phủ. Thông tư số 54/2025/TT-BKH-CN quy định chi tiết về trình tự, thủ tục, yêu cầu đối với các hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường, bao gồm:

**Quy định chung (Chương I):** Xác định phạm vi điều chỉnh là hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo và chuẩn đo lường (trừ lĩnh vực bức xạ, hạt nhân, quốc phòng, an ninh). Đối tượng áp dụng bao gồm: Tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm; Tổ chức được chỉ định thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo nhóm 2 và chuẩn đo lường dùng trực tiếp; Cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đo lường.

**Chỉ định tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm (Chương II):** Quy định về hồ sơ đăng ký chỉ định, trình tự xử lý hồ sơ, và quy trình đánh giá tại cơ sở. Việc chỉ định này thuộc thẩm quyền của Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia (Ủy ban). Nội dung đánh giá tập trung vào sự phù hợp với các quy định về điều kiện hoạt động và sự phù hợp của hệ thống quản lý với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025. Thông tư cũng quy định về việc điều chỉnh nội dung và hủy bỏ hiệu lực quyết định chỉ định.

**Chứng nhận chuẩn đo lường (Chương III):** Quy định các yêu cầu đối với chuẩn đo lường để được chứng nhận (đặc biệt là chuẩn công tác và chất chuẩn) dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2. Đồng thời, quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chứng nhận chuẩn đo lường và việc duy trì, bảo quản, sử dụng chuẩn đo lường.

**Chứng nhận, Cấp thẻ kiểm định viên (Chương IV):** Quy định yêu cầu đối với nhân viên kiểm định để được chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường, bao gồm trình độ học vấn (tốt nghiệp trung cấp trở lên) và hoàn thành khóa bồi dưỡng chuyên môn do Ủy ban tổ chức. Quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chứng nhận, cấp thẻ, nội dung và hình thức của thẻ kiểm định viên.

**Chứng chỉ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm (Chương V):** Quy định cụ thể về dấu kiểm định (gồm 2 kiểu), tem kiểm định, tem hiệu chuẩn, và giấy chứng nhận kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm. Quy định chi tiết nội dung và hình thức trình bày trên các chứng chỉ và tem này cho cả phương tiện đo nhóm 2 và nhóm 1.

**Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân (Chương VI):** Quy định trách nhiệm duy trì điều kiện hoạt động, niêm yết giá, thực hiện đúng phạm vi được chỉ định của các tổ chức được chỉ định; trách nhiệm của nhân viên kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm; trách nhiệm của Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia; và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

***Trịnh Đình Thế - Chi cục Tiêu chuẩn, Đo lường và Chất lượng***

## QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ KHÍ THIÊN NHIÊN THƯƠNG PHẨM

Ngày 31/12/2025, Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Thông tư số 55/2025/TT-BKHCN ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Khí thiên nhiên thương phẩm” (QCVN 140:2025/BKHCN).

Theo đó, QCVN 140:2025/BKHCN quy định mức giới hạn đối với các chỉ tiêu kỹ thuật liên quan đến an toàn, sức khỏe, môi trường và các yêu cầu về quản lý chất lượng đối với khí thiên nhiên thương phẩm, bao gồm khí thiên nhiên đường ống (PNG), khí thiên nhiên nén (CNG) và khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG). Khí thiên nhiên thương phẩm có mã HS được quy định tại Phụ lục A theo quy định tại Thông tư số 31/2022/TT-BTC ngày 08/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam. Quy chuẩn kỹ thuật này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến việc sản xuất, kinh doanh, chế biến, pha chế, nhập khẩu và phân phối khí thiên nhiên thương phẩm tại Việt Nam.

QCVN 140:2025/BKHCN có bố cục gồm các phần chính sau:

1. Quy định chung
  - 1.1. Phạm vi điều chỉnh
  - 1.2. Đối tượng áp dụng
  - 1.3. Giải thích từ ngữ
2. Quy định kỹ thuật
  - 2.1. Khí thiên nhiên sử dụng cho mục đích chung
  - 2.2. Khí thiên nhiên nén
  - 2.3. Khí thiên nhiên hóa lỏng
  - 2.4. Quy định về tạo mùi
3. Phương pháp thử
4. Quản lý chất lượng
5. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân
6. Tổ chức thực hiện

QCVN 140:2025/BKHCN quy định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân: Tổ chức, cá nhân sản xuất, chế biến, pha chế và nhập khẩu khí thiên nhiên thương phẩm phải thực hiện công bố tiêu chuẩn áp dụng với nội dung không được trái với Quy chuẩn kỹ thuật này, đảm bảo chất lượng phù hợp với quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật này và tiêu chuẩn đã công bố áp dụng. Tổ chức, cá nhân sản xuất, chế biến, pha chế khí thiên nhiên thương phẩm phải thực hiện việc chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật này. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu khí thiên nhiên thương phẩm phải thực hiện việc chứng nhận phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật này và đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật này. Tổ chức, cá nhân kinh doanh, phân phối khí thiên nhiên thương phẩm phải đảm bảo chất lượng phù hợp với các quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật này và tiêu chuẩn đã công bố áp dụng. Tổ chức chứng nhận, tổ chức thử nghiệm được chỉ định phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ. Tổ chức chứng nhận, tổ chức thử nghiệm và các tổ chức, cá nhân liên quan phải lưu giữ hồ sơ theo quy định tại Thông

tư số 03/2025/TT-BKHCN ngày 15/05/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định thời hạn bảo quản hồ sơ, tài liệu chuyên ngành khoa học và công nghệ.

Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra và phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan tổ chức việc thực hiện Quy chuẩn kỹ thuật này. Căn cứ vào yêu cầu quản lý, Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia có trách nhiệm kiến nghị Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung nội dung Quy chuẩn kỹ thuật này phù hợp với thực tiễn. Khi các văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật này có sự thay đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo các văn bản mới. Khi các tài liệu viện dẫn hoặc hướng dẫn quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật này có sự thay đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo sự hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2026.

Lộ trình áp dụng: Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027, tất cả các loại khí thiên nhiên thương phẩm được sản xuất, kinh doanh, chế biến, pha chế, nhập khẩu và phân phối được quy định tại QCVN 140:2025/BKHCN phải đáp ứng các quy định tại QCVN 140:2025/BKHCN trước khi lưu thông trên thị trường./.

***Hà Trang Nhung - Phòng Hành chính và TBT***

## **QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ AN TOÀN VÀ TƯƠNG THÍCH ĐIỆN TỬ ĐỐI VỚI SẢN PHẨM CHIẾU SÁNG BẰNG CÔNG NGHỆ LED**

Ngày 31/12/2025, Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Thông tư số 56/2025/TT-BKHCN ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn và tương thích điện tử đối với sản phẩm chiếu sáng LED”. Tại Điều 1 của Thông tư này đã công bố QCVN 19:2025/BKHCN về an toàn và tương thích điện tử đối với sản phẩm chiếu sáng LED. Quy chuẩn nêu trên được xây dựng trên cơ sở cập nhật các yêu cầu kỹ thuật mới, phù hợp với sự phát triển nhanh của công nghệ LED và yêu cầu quản lý trong giai đoạn hiện nay.

QCVN 19:2025/BKHCN quy định các sản phẩm chiếu sáng bằng công nghệ LED lưu thông trên thị trường Việt Nam phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về an toàn điện và tương thích điện tử. Trong đó, sản phẩm không được gây nguy hiểm cho người sử dụng trong quá trình vận hành, đồng thời phải bảo đảm mức nhiễu điện từ phát sinh không vượt quá giới hạn cho phép, tránh gây ảnh hưởng đến các thiết bị điện - điện tử khác trong cùng môi trường sử dụng. Quy chuẩn này áp dụng cho nhiều nhóm sản phẩm LED phổ biến, bao gồm bóng đèn LED, đèn LED thông dụng cố định, đèn LED lắp chìm, đèn LED di động, đèn bàn, đèn sàn và các bộ đèn LED có tích hợp nguồn điện. Việc mở rộng và làm rõ phạm vi điều chỉnh giúp tạo sự thống nhất trong quản lý chất lượng, hạn chế tình trạng sản phẩm kém chất lượng hoặc không bảo đảm an toàn vẫn được lưu thông trên thị trường.



*Ảnh minh họa*

Tại QCVN 19:2025/BKHCN cũng nêu rõ về đánh giá sự phù hợp. Theo đó, các sản phẩm thuộc phạm vi điều chỉnh bắt buộc phải được chứng nhận hợp quy bởi tổ chức chứng nhận được chỉ định, đồng thời thực hiện công bố hợp quy trước khi đưa ra thị trường. Doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu có trách nhiệm duy trì sự phù hợp của sản phẩm trong suốt quá trình kinh doanh và chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước. Quy chuẩn cũng quy định rõ việc sử dụng dấu hợp quy (CR), hiệu lực của giấy chứng nhận hợp quy và trách nhiệm của các

bên liên quan. Cách tiếp cận này góp phần nâng cao tính minh bạch, tăng cường kỷ cương trong hoạt động sản xuất, nhập khẩu và kinh doanh sản phẩm chiếu sáng LED. QCVN 19:2025/BKHCN sẽ tạo động lực mạnh mẽ để doanh nghiệp chuẩn hóa quy trình sản xuất và nâng cao chất lượng sản phẩm. Việc tuân thủ các yêu cầu về an toàn và EMC giúp sản phẩm LED ổn định hơn, bền hơn và an toàn hơn trong quá trình sử dụng. Đây là yếu tố quan trọng để xây dựng uy tín thương hiệu, nhất là trong bối cảnh người tiêu dùng ngày càng quan tâm đến chất lượng và an toàn sản phẩm. Quy chuẩn này cũng được xem là “hàng rào kỹ thuật” cần thiết nhằm loại bỏ các sản phẩm LED kém chất lượng, không đáp ứng yêu cầu an toàn khỏi thị trường. Điều này giúp giảm tình trạng cạnh tranh bằng giá rẻ nhưng bỏ qua tiêu chuẩn kỹ thuật, từ đó tạo môi trường cạnh tranh công bằng hơn cho các doanh nghiệp làm ăn bài bản, đầu tư nghiêm túc vào công nghệ và chất lượng.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2026 và Thông tư số 08/2019/TT-BKHCN ngày 25 tháng 9 năm 2019 của Bộ Trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm chiếu sáng bằng công nghệ LED hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

Mặt khác, Thông tư này cũng quy định điều khoản chuyển tiếp: Các sản phẩm quy định tại Phụ lục A ban hành kèm theo QCVN 19:2019/BKHCN sản xuất, lắp ráp trong nước, nhập khẩu đã được chứng nhận hợp quy theo QCVN 19:2019/BKHCN trước lộ trình quy định tại Thông tư số 08/2019/TT-BKHCN thì tiếp tục được lưu thông trên thị trường. Lộ trình áp dụng: Từ ngày 01 tháng 6 năm 2026, tất cả các sản phẩm chiếu sáng bằng công nghệ LED quy định tại Phụ lục A của QCVN 19:2025/BKHCN ngoại trừ sản phẩm chiếu sáng bằng công nghệ LED có mã HS là 9405.11.99 phải đáp ứng các quy định tại QCVN 19:2025/BKHCN trước khi lưu thông trên thị trường. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2027, tất cả các sản phẩm chiếu sáng bằng công nghệ LED quy định tại Phụ lục A của QCVN 19:2025/BKHCN phải đáp ứng các quy định tại QCVN 19:2025/BKHCN trước khi lưu thông trên thị trường.

***Trịnh Đình Thế - Chi cục Tiêu chuẩn, Đo lường và Chất lượng***

**GIẢI THƯỞNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA - ĐỘNG LỰC THỨC ĐẨY  
DOANH NGHIỆP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG GIAI ĐOẠN MỚI**

Trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam đang chuyển mình mạnh mẽ theo hướng đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và hội nhập quốc tế sâu rộng, yêu cầu nâng cao năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp ngày càng trở nên cấp thiết. Chất lượng không chỉ là yếu tố bảo đảm sự tồn tại của doanh nghiệp mà còn là nền tảng để xây dựng thương hiệu, mở rộng thị trường và phát triển bền vững. Nhằm cụ thể hóa các quy định của Chính phủ về Giải thưởng Chất lượng Quốc gia. Ngày 12/02/2026, Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Thông tư số 03/2026/TT-BKHCHN quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 của Chính phủ về Giải thưởng chất lượng quốc gia (Giải thưởng). Đây là bước hoàn thiện quan trọng về mặt pháp lý, tạo cơ sở thống nhất, minh bạch cho việc tổ chức và xét tặng Giải thưởng trên phạm vi toàn quốc.

**Hoàn thiện khung pháp lý - Bảo đảm minh bạch, khách quan trong xét tặng**

Thông tư số 03/2026/TT-BKHCHN quy định chi tiết về tiêu chí, thang điểm, quy trình đánh giá, thành lập Hội đồng và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan. Việc ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể giúp nâng cao tính thống nhất trong triển khai, đồng thời bảo đảm nguyên tắc công khai, minh bạch và khách quan trong xét tặng Giải thưởng. Theo quy định, doanh nghiệp tham gia Giải thưởng được đánh giá trên tổng thang điểm 1.000 điểm, bao gồm hai nhóm tiêu chí cơ bản:

- Chất lượng, mức độ tin cậy, sự vượt trội hoặc độc đáo của sản phẩm, hàng hóa có tổng điểm tối đa là 250 điểm;
- Hiệu lực, hiệu quả của mô hình quản trị của tổ chức, doanh nghiệp (theo các khía cạnh về Lãnh đạo, Chiến lược, Khách hàng, Đo lường, phân tích và quản lý tri thức, Lực lượng lao động, Vận hành, Kết quả) có tổng điểm tối đa là 750 điểm.

Cách tiếp cận này thể hiện quan điểm hiện đại về quản trị chất lượng: Chất lượng sản phẩm là kết quả của cả một hệ thống quản lý đồng bộ, từ tầm nhìn lãnh đạo, chiến lược phát triển đến quản lý nguồn nhân lực, đổi mới sáng tạo và hiệu quả hoạt động thực tế.

Việc quy định cụ thể thang điểm và nội dung đánh giá không chỉ tạo thuận lợi cho cơ quan quản lý trong tổ chức xét tặng mà còn giúp doanh nghiệp có căn cứ rõ ràng để tự rà soát, hoàn thiện hệ thống quản trị của mình.

**Giải thưởng chất lượng - Thước đo năng lực quản trị toàn diện**

Trong nền kinh tế thị trường hiện đại, lợi thế cạnh tranh không còn chỉ dựa vào quy mô hay nguồn lực, mà phụ thuộc ngày càng nhiều vào chất lượng quản trị và khả năng thích ứng với biến động thị trường.

Các tiêu chí của Giải thưởng Chất lượng Quốc gia yêu cầu doanh nghiệp phải thể hiện rõ:

- Vai trò, tầm nhìn và cam kết của lãnh đạo;
- Chiến lược phát triển dài hạn gắn với mục tiêu bền vững;
- Định hướng khách hàng và thị trường;
- Quản lý, phát triển nguồn nhân lực;
- Ứng dụng khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo;
- Kết quả sản xuất, kinh doanh và trách nhiệm xã hội.

Thông qua quá trình chuẩn bị hồ sơ: Đăng ký tham dự Giải thưởng chất lượng quốc gia; Báo cáo tham dự Giải thưởng chất lượng quốc gia; Tài liệu chứng minh về việc áp dụng hệ thống quản lý; Tài liệu chứng minh về chất lượng, mức độ tin cậy, sự vượt trội hoặc tính độc đáo của sản phẩm, hàng hóa và đánh giá thực tế, doanh nghiệp có cơ hội nhìn nhận một cách toàn diện hoạt động của mình. Đây chính là dịp để phát hiện những điểm mạnh cần phát huy và những hạn chế cần khắc phục. Nhiều chuyên gia nhận định rằng, giá trị cốt lõi của Giải thưởng không chỉ nằm ở danh hiệu đạt được mà còn ở quá trình tự đánh giá, cải tiến và nâng cao năng lực nội tại của doanh nghiệp.

### **Nâng cao uy tín thương hiệu, tăng cường năng lực cạnh tranh**

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng, thương hiệu và uy tín doanh nghiệp có ý nghĩa quyết định đối với khả năng mở rộng thị trường và thu hút đầu tư. Danh hiệu Giải thưởng Chất lượng Quốc gia là sự ghi nhận ở cấp Nhà nước đối với những nỗ lực không ngừng trong nâng cao chất lượng và hiệu quả quản lý.

Doanh nghiệp đạt Giải thưởng có điều kiện thuận lợi hơn trong:

- Xây dựng và quảng bá thương hiệu;
- Tăng cường niềm tin của khách hàng, đối tác và nhà đầu tư;
- Tham gia các chương trình xúc tiến thương mại;
- Mở rộng thị trường trong nước và quốc tế.

Đặc biệt, trong bối cảnh các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới đặt ra yêu cầu cao về tiêu chuẩn chất lượng và quản trị, việc đạt Giải thưởng là minh chứng cho năng lực đáp ứng các chuẩn mực khắt khe của thị trường toàn cầu.

### **Lan tỏa phong trào năng suất - Chất lượng trong cộng đồng doanh nghiệp**

Việc hoàn thiện quy định pháp lý về Giải thưởng không chỉ nhằm tôn vinh các doanh nghiệp tiêu biểu mà còn hướng tới mục tiêu lâu dài là lan tỏa phong trào năng suất - chất lượng trong toàn xã hội. Thông qua cơ chế xét tặng công khai, minh bạch, các doanh nghiệp được khuyến khích: Áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến; Đầu tư cho nghiên cứu, phát triển và đổi mới công nghệ; Xây dựng văn hóa chất lượng trong toàn tổ chức; Gắn hoạt động sản xuất, kinh doanh với trách nhiệm xã hội và phát triển bền vững. Sự lan tỏa này góp phần nâng cao năng suất lao động, cải thiện chất lượng sản phẩm, qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế quốc gia.

### **Doanh nghiệp cần chủ động, chiến lược trong tham gia**

Để tận dụng hiệu quả cơ hội từ Giải thưởng Chất lượng Quốc gia, doanh nghiệp cần tiếp cận theo hướng chủ động và bài bản. Trước hết, lãnh đạo doanh nghiệp cần xác định việc tham gia Giải thưởng là một nội dung trong chiến lược nâng cao năng lực quản trị và phát triển bền vững, không phải hoạt động mang tính hình thức. Doanh nghiệp cần: Tổ chức đánh giá nội bộ theo các tiêu chí của Giải thưởng; Xây dựng kế hoạch cải tiến cụ thể; Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, tài liệu minh chứng; Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực về quản lý chất lượng; Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số. Chính sự chủ động, quyết tâm và tinh thần cầu thị sẽ giúp doanh nghiệp nâng cao khả năng đạt Giải thưởng, đồng thời củng cố nền tảng phát triển lâu dài.

Thông tư số 03/2026/TT-BKHCHN gồm 3 chương, 13 điều và có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký ban hành và Thông tư số 27/2019/TT-BKHCHN ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 và Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng

5 năm 2018 của Chính phủ về Giải thưởng chất lượng quốc gia hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Thông tư này cũng quy định điều khoản chuyển tiếp: Các hoạt động liên quan đến việc đánh giá, thủ tục đề nghị tặng Giải thưởng chất lượng quốc gia đối với tổ chức, doanh nghiệp đã nộp hồ sơ đăng ký tham dự Giải thưởng, triển khai trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 27/2019/TT-BKHCN ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 và Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về Giải thưởng chất lượng quốc gia.

***Trịnh Đình Thử - Chi cục Tiêu chuẩn, Đo lường và Chất lượng***

**Ý NGHĨA NGÀY ĐO LƯỜNG VIỆT NAM (20/01/1950 - 20/01/2026)**



Hoạt động đo lường đã và đang diễn ra hàng ngày trong tất cả các lĩnh vực kinh tế, xã hội, khoa học và công nghệ, an ninh và quốc phòng,... Ở mỗi quốc gia, trong phạm vi khu vực và toàn thế giới. Vì vậy, đo lường có vai trò quan trọng đối với đời sống, sản xuất, nghiên cứu khoa học, an ninh và quốc phòng... Do đó, việc áp dụng hệ đo lường thống nhất và chính xác sẽ góp phần đảm bảo công bằng xã hội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mọi tổ chức, cá nhân trong các giao dịch kinh tế, dân sự; sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, năng lượng; đảm bảo an toàn; bảo vệ sức khoẻ và môi trường; đẩy mạnh phát triển khoa học và công nghệ; tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước và đây cũng là công cụ đắc lực góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập kinh tế quốc tế.

Ngày 20/01/1950, giữa lúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta đang trong giai đoạn gay go, ác liệt, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh 8/SL quy định thống nhất đo lường nước ta theo Hệ Mét - Hệ đo lường khoa học và tiên tiến trên thế giới. Đã 74 năm trôi qua, thời gian càng làm cho chúng ta thêm thấm thía về sự nhìn nhận và đánh giá sáng suốt của Bác Hồ đối với công tác đo lường, một lĩnh vực chuyên ngành nhưng liên quan mật thiết với khoa học, công nghệ, sản xuất và đời sống nhân dân. Sắc lệnh 8/SL đã xác định và giải quyết đúng đắn nhiều nội dung của quản lý nhà nước về đo lường ở nước ta như: Đơn vị đo lường hợp pháp, quản lý việc sản xuất và sử dụng dụng cụ đo, xử phạt các vi phạm về đo lường. Sắc lệnh 8/SL chính là nền tảng, là điểm xuất phát của sự ra đời và trưởng thành của ngành đo lường Việt Nam.

Theo con đường Bác Hồ đã vạch ra, Đảng và Nhà nước ta luôn chăm lo quản lý và phát triển lĩnh vực khoa học - kỹ thuật chuyên ngành rất quan trọng này, thể hiện ở những văn bản pháp luật về đo lường mà Nhà nước đã ban hành trong suốt mấy thập kỷ qua: Ngày 26/12/1964, Thủ tướng Chính phủ đã ký Nghị định số 186/CP ban hành Bảng đơn vị đo lường hợp pháp của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, tiếp nối từ Hệ Mét sang Hệ đơn vị quốc tế (SI). Đây là sự kế thừa và nâng lên một tầm cao mới Sắc lệnh 8/SL; Ngày 24 và 25/9/1974, Chính phủ ban hành Nghị định số 216/CP và số 217/CP về Điều lệ quản lý đo lường chung và Điều lệ quản lý đo lường trong các xí nghiệp công nghiệp quốc doanh. Từ năm 1975 đến năm 2000, toàn bộ hoạt động đo lường ở nước ta được quản lý trên cơ sở hai Điều lệ này.

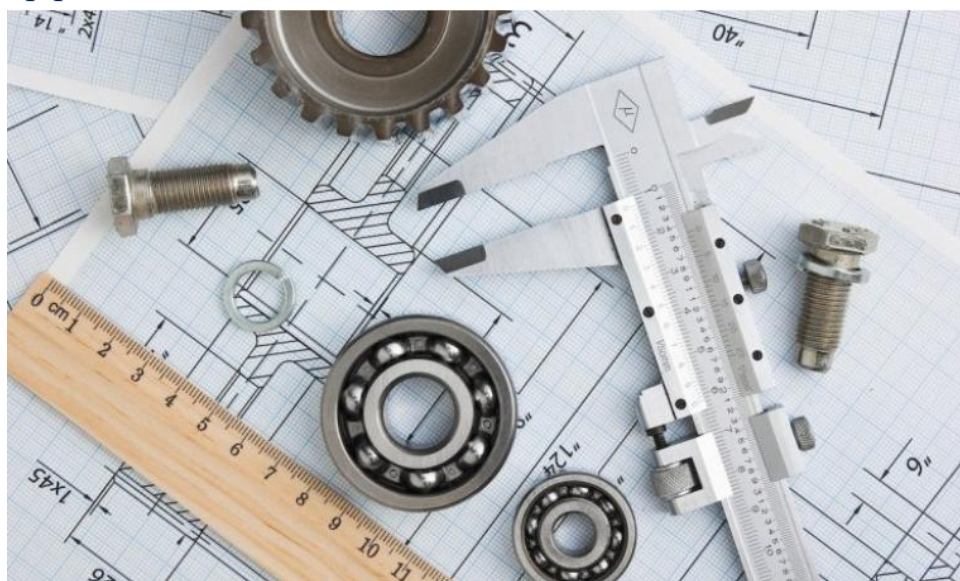
Khi nước ta chuyển sang thời kỳ xây dựng và phát triển theo đường lối đổi mới của Đảng, ngày 06/7/1990 Hội đồng Nhà nước đã thông qua Pháp lệnh đo lường và ngày 16/07/1990, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước ký lệnh công bố Pháp lệnh này. Pháp lệnh đo lường 1990 đã thể hiện sự

đổi mới công tác quản lý nhà nước về đo lường khi chuyển từ nền kinh tế tập trung - bao cấp sang nền kinh tế nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước.

Để đáp ứng những yêu cầu mới về đo lường, ngày 06/10/1999 Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua Pháp lệnh đo lường (sửa đổi) và ngày 18/10/1999, Chủ tịch nước đã ký công bố Pháp lệnh này. Đây chính là cơ sở để đo lường nước ta phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế.

Nhân kỷ niệm 50 năm ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh 8/SL (20/1/1950 - 20/1/2000), nguyên Tổng bí thư Lê Khả Phiêu đã có thư gửi ngành đo lường Việt Nam, thể hiện sự quan tâm và động viên, khuyến khích sâu sắc của Đảng và Nhà nước ta đối với công tác đo lường; đồng thời ân cần nhắc nhở ngành đo lường Việt Nam: “Phải đóng góp nhiều hơn nữa cho công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá nước nhà, làm cho nước mạnh, dân giàu. Phải góp sức làm cho khoa học - kỹ thuật, cho nền sản xuất nước ta vững vàng tiến vào thế kỷ 21 và thiên niên kỷ mới”.

Ghi nhận vai trò và tầm quan trọng của công tác đo lường cũng như sự đóng góp của ngành đo lường Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 11/10/2001 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 155/2001/QĐ - TTg lấy ngày 20 tháng 01 hàng năm, ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh 8/SL về đo lường (20/1/1950) là Ngày đo lường Việt Nam. Ngày Đo lường Việt Nam 20/01 hàng năm đã thực sự trở thành ngày truyền thống, đoàn kết, gắn bó thân thiết của tất cả những người làm công tác đo lường trong cả nước và là hoạt động được tổ chức thường niên nhằm tôn vinh, động viên, khuyến khích các cán bộ làm công tác đo lường và thúc đẩy hơn nữa hoạt động đo lường nước ta ngày càng phát triển, góp phần phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.



***Ảnh minh họa: Đo lường có vai trò rất quan trọng đối với sản xuất, đời sống, quốc phòng và nghiên cứu khoa học***

Một dấu mốc lịch sử đối với đo lường nước ta là ngày 11/11/2011, Quốc hội khoá 13 thông qua Luật Đo lường. Đây là văn bản pháp luật cao nhất của Nhà nước ta về đo lường. Luật đã thể hiện những quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển khoa học công nghệ đo lường phục vụ mục tiêu phát triển đất nước nhanh, bền vững phù hợp với điều kiện trong nước và bối cảnh quốc tế hiện nay. Luật Đo lường có hiệu lực từ ngày 01/07/2012. Nghị định 86/2012/NĐ- CP ngày 19/10/2012 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đo lường làm cơ sở để quản lý và phát triển đo lường nước ta trong những thập kỷ đầu của thế kỷ XXI. Hiện nay, hệ thống văn bản kỹ thuật đo lường Việt Nam tương

thích với các tổ chức đo lường quốc tế như: Tổ chức đo lường pháp định quốc tế (OIML), Tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế (ISO) và Ủy ban kỹ thuật điện quốc tế (IEC),...Đến nay, Việt Nam đã là thành viên của 04 tổ chức quốc tế và khu vực về đo lường, tham gia một số Ban kỹ thuật/tiểu ban kỹ thuật của các tổ chức đo lường quốc tế và được quốc tế thừa nhận khả năng đo và hiệu chuẩn đối với nhiều phép đo... Đây là cơ sở pháp lý và kỹ thuật để thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước, nhu cầu của doanh nghiệp tham gia thị trường quốc tế.

Ngày 10/8/2018, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 996/QĐ-TTg phê duyệt Đề án “Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến 2025, định hướng đến 2030” (gọi tắt là Đề án 996) nhằm phát triển hạ tầng đo lường quốc gia theo hướng đồng bộ, hiện đại, đáp ứng hội nhập quốc tế và nhu cầu đảm bảo đo lường chính xác cho hoạt động doanh nghiệp, phù hợp điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam, phù hợp quy hoạch phát triển bộ ngành và địa phương; xây dựng và áp dụng hiệu quả bộ tiêu chí quốc gia đánh giá các lĩnh vực đo lường để tăng cường hiệu quả, hiệu lực công tác quản lý nhà nước về đo lường; thực hiện chuẩn hóa năng lực, hoạt động của các tổ chức kinh doanh dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường... Đến năm 2030, Phát triển hạ tầng đo lường quốc gia đáp ứng công nhận ít nhất 300 phép đo hiệu chuẩn được quốc tế thừa nhận trong khuôn khổ thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau toàn cầu về đo lường (CIPM-MRA); Phát triển được ít nhất 250 chất chuẩn, chuẩn đo lường, phương tiện đo các loại đáp ứng nhu cầu đảm bảo đo lường chính xác cho doanh nghiệp; Bồi dưỡng, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ về đo lường ít nhất 20.000 cán bộ tham gia hoạt động đo lường; Triển khai Chương trình đảm bảo đo lường thông qua hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường và hoạt động xây dựng phương pháp đo cho ít nhất 100.000 doanh nghiệp bao gồm doanh nghiệp có vốn nhà nước và doanh nghiệp khu vực kinh tế tư nhân; Triển khai áp dụng bộ tiêu chí quốc gia đánh giá các lĩnh vực đo lường ít nhất 2.000 phòng thí nghiệm được công nhận trong cả nước cho các lĩnh vực đo lường để tăng cường hiệu quả, hiệu lực công tác quản lý nhà nước về đo lường; thực hiện chuẩn hóa năng lực, hoạt động của các tổ chức kinh doanh dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường.

Năm 2026, toàn ngành đo lường Việt Nam đón chào kỷ niệm 76 năm ngày Bác Hồ ký Sắc lệnh 8/SL cũng là kỷ niệm 25 năm Ngày đo lường Việt Nam. Ngày 09/01/2026, Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia đã ban hành Văn bản số 49/TĐC-ĐL về việc Kỷ niệm Ngày Đo lường Việt Nam năm 2026. Theo đó, Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Ninh Bình tổ chức Hội thảo kỷ niệm ngày Đo lường Việt Nam với Chủ đề: **“Đánh giá, tổng kết thi hành Luật Đo lường và đề xuất sửa đổi một số Điều của Luật Đo lường”** vào ngày 16/01/2026 tại tỉnh Ninh Bình. Đồng thời, Ủy ban đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh, thành phố xem xét tổ chức hoặc chỉ đạo Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng căn cứ tình hình cụ thể tại địa phương tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến rộng rãi về hoạt động đo lường đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh thông qua các hình thức như: Tuyên truyền, phổ biến tại các hội nghị, hội thảo, đưa tin, bài trên báo chí, truyền hình... với một số nội dung như: Ý nghĩa của ngày Đo lường Việt Nam; Tình hình hoạt động đo lường của cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân trên địa bàn: Kết quả đã đạt được trong năm 2025 và phương hướng hoạt động đo lường trong thời gian tới; Tình hình thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về đo lường của Sở Khoa học và Công nghệ, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng địa phương; Tình hình triển khai Quyết định 996/QĐ-TTg ngày

10/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường để hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” và Quyết định số 510/QĐ-BKH-CN ngày 17/3/2021 ban hành “Hướng dẫn xây dựng và triển khai thực hiện chương trình đảm bảo đo lường tại doanh nghiệp”; Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc chấp hành pháp luật về đo lường, phòng chống các hành vi vi phạm pháp luật về đo lường; Tuyên truyền về Luật Đo lường, Nghị định số 86/2012/NĐ-CP, Nghị định số 105/2016/NĐ-CP, Quyết định số 1488/QĐ-TTg ngày 24/11/2023 của Thủ tướng chính phủ về Phê duyệt “Kế hoạch phát triển chuẩn đo lường quốc gia đến năm 2030”, Chỉ thị số 38-CT/TW ngày 30/7/2024 của Ban Bí thư về đẩy mạnh công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng quốc gia đến năm 2030 và những năm tiếp theo; Thông tư 06/2025/TT-BKH-CN ngày 04/6/2025 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Thông tư số 15/2015/TT-BKH-CN ngày 25/8/2015 quy định về đo lường, chất lượng trong kinh doanh xăng dầu đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 08/2018/TT-BKH-CN ngày 15/6/2018; Thông tư số 54/TT-BKH-CN ngày 31/12/2025 quy định về hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường và các văn bản đo lường khác có liên quan.

*Trịnh Đình Thử - Chi cục Tiêu chuẩn, Đo lường và Chất lượng*

**NINH BÌNH TĂNG CƯỜNG TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG HÀNG RÀO KỸ THUẬT TRONG THƯƠNG MẠI (TBT), HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP HỘI NHẬP HIỆU QUẢ**

Thực hiện Quyết định số 46/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT), trong giai đoạn 2018 - 2025, Sở Khoa học và Công nghệ Ninh Bình đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai đồng bộ nhiều hoạt động nhằm nâng cao hiệu quả thực thi các cam kết quốc tế, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận thông tin tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, góp phần thúc đẩy hoạt động sản xuất, kinh doanh và xuất khẩu trên địa bàn tỉnh.

Theo đó, UBND tỉnh Ninh Bình đã giao Sở Khoa học và Công nghệ làm cơ quan đầu mối triển khai nhiệm vụ TBT, đồng thời phân công Chi cục Tiêu chuẩn, Đo lường và Chất lượng Ninh Bình thực hiện chức năng Điểm TBT của tỉnh. Hoạt động này được tổ chức theo hình thức kiêm nhiệm, lồng ghép trong công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hóa và hội nhập kinh tế quốc tế, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

Trong giai đoạn 2018 - 2025, Điểm TBT Ninh Bình đã tích cực phối hợp với Điểm TBT Quốc gia và các sở, ngành liên quan trong việc cập nhật, khai thác và cung cấp thông tin về các quy định kỹ thuật, tiêu chuẩn, quy chuẩn của Việt Nam và các nước thành viên Tổ chức Thương mại Thế giới. Các thông tin cảnh báo TBT được truyền tải kịp thời đến doanh nghiệp, góp phần giúp doanh nghiệp chủ động điều chỉnh hoạt động sản xuất, kinh doanh, hạn chế rủi ro trong quá trình xuất khẩu.

Công tác hỏi đáp và cung cấp thông tin TBT được duy trì thường xuyên, với hàng trăm lượt yêu cầu từ các doanh nghiệp, tổ chức trên địa bàn tỉnh được tiếp nhận và xử lý. Nội dung hỏi đáp tập trung vào tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các yêu cầu kỹ thuật của thị trường xuất khẩu, đặc biệt trong các lĩnh vực như nông sản, thực phẩm chế biến, vật liệu xây dựng và thủ công mỹ nghệ. Việc phản hồi thông tin được thực hiện đúng thời hạn, góp phần nâng cao năng lực tuân thủ tiêu chuẩn và mở rộng cơ hội thị trường cho doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, công tác tuyên truyền, phổ biến về TBT được đẩy mạnh thông qua nhiều hình thức đa dạng. Trong giai đoạn 2018 - 2025, Sở Khoa học và Công nghệ đã tổ chức khoảng 15 hội nghị liên quan đến tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và nâng cao năng suất, chất lượng; đăng tải 32 Bản tin TBT (trung bình 04 bản tin/năm) trên Trang thông tin điện tử của Sở và Chi cục; đồng thời cử trên 50 lượt công chức tham gia các khóa đào tạo, hội nghị về TBT và các cam kết trong các Hiệp định thương mại tự do do Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia và Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức.

Thông qua các hoạt động này, nhận thức của doanh nghiệp về vai trò của hàng rào kỹ thuật trong thương mại từng bước được nâng cao. Một số doanh nghiệp đã chủ động tìm hiểu các yêu cầu kỹ thuật của thị trường xuất khẩu, cải tiến quy trình sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương.

Bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động TBT tại địa phương vẫn còn một số khó khăn, như mạng lưới TBT hoạt động theo hình thức kiêm nhiệm, nguồn nhân lực chuyên sâu còn hạn chế; mức độ quan tâm và chủ động khai thác thông tin TBT của doanh nghiệp chưa cao, số lượng phản hồi từ doanh nghiệp còn ít.

Trong thời gian tới, Chi cục Tiêu chuẩn, Đo lường và Chất lượng Ninh Bình sẽ tiếp tục phát huy vai trò là đầu mối TBT của tỉnh, tăng cường công tác tuyên truyền, cung cấp thông tin, nâng cao năng lực chuyên môn và đẩy mạnh phối hợp với các cơ quan liên quan, nhằm hỗ trợ hiệu quả hơn nữa cho cộng đồng doanh nghiệp trong việc đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật của thị trường, góp phần thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế và phát triển bền vững của tỉnh Ninh Bình.

*Ngô Văn Nhung – Phòng Hành chính và TBT*

## TĂNG CƯỜNG TUÂN THỦ QUY ĐỊNH VỀ TIÊU CHUẨN, ĐO LƯỜNG, CHẤT LƯỢNG TRONG KINH DOANH XĂNG DẦU

Nhằm bảo đảm quyền lợi người tiêu dùng, giữ vững ổn định thị trường và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh, Chi cục Tiêu chuẩn, Đo lường và Chất lượng Ninh Bình đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật mới đến các tổ chức, cá nhân liên quan.

Ngày 22/01/2026, Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BKHCN hợp nhất các quy định về đo lường, chất lượng trong kinh doanh xăng dầu, tạo cơ sở pháp lý thống nhất, đồng bộ cho hoạt động quản lý và thực thi trên phạm vi cả nước.

Văn bản này được xây dựng trên cơ sở hợp nhất Thông tư số 15/2015/TT-BKHCN và các Thông tư sửa đổi, bổ sung, gồm: Thông tư số 08/2018/TT-BKHCN, Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN và Thông tư số 06/2025/TT-BKHCN.

Theo quy định tại văn bản hợp nhất, nội dung quản lý nhà nước về đo lường, chất lượng trong kinh doanh xăng dầu được quy định đầy đủ, bao quát từ yêu cầu về chất lượng, phương tiện đo đến trình tự, thủ tục liên quan.

Căn cứ các quy định nêu trên, các tổ chức, cá nhân kinh doanh xăng dầu cần nghiêm túc thực hiện một số nội dung trọng tâm sau:

### **Thứ nhất, bảo đảm chất lượng xăng dầu lưu thông trên thị trường.**

Xăng dầu phải đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, được kiểm soát chất lượng trước khi đưa ra lưu thông; nghiêm cấm các hành vi pha trộn, gian lận thương mại làm ảnh hưởng đến quyền lợi người tiêu dùng.

### **Thứ hai, tuân thủ quy định về đo lường.**

Các phương tiện đo như cột đo xăng dầu phải được kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về đo lường; bảo đảm kết quả đo chính xác, trung thực, minh bạch trong hoạt động kinh doanh.

### **Thứ ba, thực hiện đầy đủ quy định về quản lý phương tiện đo và niêm phong.**

Việc niêm phong, kẹp chì, quản lý công tơ tổng phải được thực hiện đúng quy định, không được tự ý can thiệp làm sai lệch số liệu đo.

### **Thứ tư, nâng cao trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu.**

Các đơn vị cần chủ động rà soát, tự kiểm tra việc chấp hành quy định; kịp thời khắc phục các tồn tại, đồng thời phối hợp với cơ quan chức năng trong công tác thanh tra, kiểm tra.

Việc ban hành Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BKHCN năm 2026 góp phần hoàn thiện hành lang pháp lý, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, đồng thời bảo vệ quyền lợi chính đáng của người tiêu dùng.

Trong thời gian tới, Chi cục Tiêu chuẩn, Đo lường và Chất lượng Ninh Bình sẽ tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật; tăng cường thanh tra, kiểm tra nhằm kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, góp phần xây dựng môi trường kinh doanh xăng dầu minh bạch, lành mạnh trên địa bàn tỉnh.

*Ngô Văn Nhung – Phòng Hành chính và TBT*

## PHÁT HIỆN NHIỀU KIM LOẠI NẶNG TRONG SỮA CÔNG THỨC TẠI MỸ

Theo một cuộc kiểm nghiệm mới đây của Consumer Reports đã kiểm tra 49 sản phẩm sữa công thức dành cho trẻ em và đã phát hiện ra một số loại có chứa chất kim loại nặng, ảnh hưởng đến sức khỏe trẻ nhỏ.

Nhóm nghiên cứu của Consumer Reports đã kiểm tra 49 sản phẩm sữa công thức dành cho trẻ em, gồm sữa bột, sữa nước, sữa từ nguồn protein thay thế và các loại sữa dành cho trẻ dị ứng. Kết quả cho thấy hơn một nửa số mẫu thử có hàm lượng chất ô nhiễm ở mức được đánh giá là “đáng lo ngại”.

Dù thị trường sữa công thức tại Mỹ được quản lý khá chặt chẽ, các sản phẩm này vẫn có thể chịu ảnh hưởng từ ô nhiễm môi trường hoặc các yếu tố phát sinh trong quá trình sản xuất. Đáng chú ý, Mỹ hiện chưa đặt ra giới hạn cụ thể đối với hàm lượng những chất ô nhiễm này trong sữa công thức, đồng thời nhà sản xuất cũng không bắt buộc phải kiểm tra sự hiện diện của chúng.

Trong các chất được phát hiện, thạch tín là chất xuất hiện nhiều nhất. Consumer Reports ghi nhận 26 trong tổng số 49 sản phẩm có chứa thạch tín vô cơ ở mức bằng hoặc cao hơn ngưỡng mà tổ chức này xem là đáng lo ngại.



### *Nhiều sản phẩm sữa công thức của Mỹ bị phát hiện có chứa kim loại nặng*

Đáng chú ý, ngưỡng đánh giá mà Consumer Reports sử dụng còn nghiêm ngặt hơn tiêu chuẩn của Liên minh châu Âu, nơi quy định giới hạn 20 phần tỷ (ppb) đối với sữa bột và 10 ppb đối với sữa công thức dạng lỏng. Trong khi đó, Mỹ hiện vẫn chưa đặt ra giới hạn cụ thể đối với chất gây ô nhiễm này.

Ngoài thạch tín, chì cũng được phát hiện trong một số sản phẩm. Ba loại sữa công thức dạng bột có hàm lượng chì vượt quá mức mà Consumer Reports cho là đáng lo ngại, trong khi một số sản phẩm khác có mức chì dao động từ khoảng một nửa đến gần ngưỡng này.

Ngoài ra, các nhà nghiên cứu cũng phát hiện sự hiện diện của PFAS, nhóm hóa chất bền vững trong môi trường, trong một số sản phẩm sữa công thức. Ít nhất một hợp chất PFAS được

ghi nhận trong hơn một phần tư số mẫu thử, với nồng độ dao động từ 0,1 đến 5,6 phần tỷ tổng PFAS.

Một số hóa chất khác cũng được phát hiện nhưng ở mức rất thấp. BPA chỉ xuất hiện trong ba loại sữa bột, còn các bisphenol khác không được ghi nhận. Acrylamide có trong hai sản phẩm nhưng nồng độ thấp hơn nhiều so với các thực phẩm phổ biến như bánh mì nướng hay khoai tây chiên. Cadmium và thủy ngân cũng được tìm thấy trong một số mẫu sữa bột, song ở mức thấp và không được các chuyên gia xem là đáng lo ngại.

Dù vậy, kết quả thử nghiệm cũng ghi nhận nhiều tín hiệu tích cực. Khoảng một phần ba số sữa công thức dạng lỏng và pha sẵn được xếp vào nhóm “lựa chọn hàng đầu”, với mức tạp chất rất thấp hoặc không phát hiện.

Trong số 23 sản phẩm sữa công thức dạng lỏng được kiểm tra, có 8 loại không phát hiện kim loại nặng hoặc chỉ chứa ở mức rất thấp. Hơn một nửa số sữa công thức dạng bột cũng đạt kết quả tương tự.

Tổ chức này cho biết họ áp dụng những ngưỡng đánh giá nghiêm ngặt nhằm nhận diện sớm các nguy cơ tiềm ẩn, qua đó cung cấp thêm thông tin để phụ huynh có thể cân nhắc lựa chọn phù hợp cho loại thực phẩm đầu đời của trẻ.

Theo Consumer Reports, khoảng một nửa lượng sữa công thức bán ra tại Mỹ hiện do hai công ty lớn sản xuất là Abbott Nutrition và Mead Johnson. Bên cạnh đó, Perrigo cũng đứng sau nhiều dòng sữa mang nhãn hiệu riêng của các chuỗi bán lẻ. Trước báo cáo mới, Abbott và Mead Johnson cho rằng việc phát hiện một lượng rất nhỏ kim loại nặng trong thực phẩm là điều có thể xảy ra do các chất này tồn tại tự nhiên trong môi trường.

Sau khi báo cáo được công bố, Hội đồng Dinh dưỡng Trẻ sơ sinh Mỹ cũng thừa nhận hiện FDA chưa đặt ra giới hạn đối với kim loại nặng trong sữa công thức. Tổ chức này bày tỏ kỳ vọng cơ quan quản lý sớm ban hành các mức giới hạn dựa trên bằng chứng khoa học nhằm hỗ trợ phụ huynh và nhân viên y tế trong việc lựa chọn dinh dưỡng cho trẻ.

*Nguồn: Vietq.vn*

## **CÔNG CỤ CẢI TIẾN LEAN GIÚP DOANH NGHIỆP NGÀNH CAO SU NÂNG CAO NĂNG SUẤT**

Bên cạnh nhiều giải pháp như đổi mới công nghệ, đầu tư thiết bị hay nâng cao chất lượng nguồn nhân lực,... việc áp dụng các công cụ cải tiến năng suất, đặc biệt là Lean, được xem là phương án hiệu quả giúp doanh nghiệp ngành cao su tối ưu hóa quy trình sản xuất, giảm lãng phí và cải thiện năng suất lao động.

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, ngành cao su tiếp tục khẳng định vai trò là một trong những ngành kinh tế chủ lực của Việt Nam, đóng góp quan trọng vào kim ngạch xuất khẩu và tạo việc làm cho hàng trăm nghìn lao động.

Năm 2025, xuất khẩu cao su của Việt Nam đạt khoảng 1,91 triệu tấn, với giá trị gần 3,33 tỷ USD. Con số này không chỉ phản ánh quy mô thị trường mà còn cho thấy sức cạnh tranh ngày càng được nâng cao của ngành cao su Việt Nam trên bản đồ thương mại toàn cầu.

Bên cạnh nhiều giải pháp như đổi mới công nghệ, đầu tư thiết bị hay nâng cao chất lượng nguồn nhân lực,... việc áp dụng các công cụ cải tiến năng suất, đặc biệt là Lean được xem là một trong những phương án hiệu quả giúp doanh nghiệp ngành cao su tối ưu hóa quy trình sản xuất, giảm lãng phí và cải thiện năng suất lao động.



*Năm 2025, xuất khẩu cao su của Việt Nam đạt khoảng 1,91 triệu tấn, giá trị gần 3,33 tỷ USD*

Thực tiễn triển khai tại Công ty Cổ phần Cao su Thái Dương là minh chứng rõ nét cho hiệu quả của việc áp dụng công cụ Lean. Là doanh nghiệp chuyên sản xuất và cung ứng các sản

phẩm cao su kỹ thuật theo yêu cầu của khách hàng, Cao su Thái Dương phải đối mặt với áp lực về tiến độ, độ chính xác và tính ổn định của chất lượng sản phẩm. Trước yêu cầu đó, doanh nghiệp đã từng bước rà soát, phân tích toàn bộ quy trình sản xuất, tập trung vào khâu lưu hóa - một công đoạn then chốt quyết định năng suất và chất lượng của cao su.

Thông qua việc áp dụng công cụ Lean, doanh nghiệp đã nhận diện và loại bỏ nhiều thao tác thừa, tối ưu hóa bố trí mặt bằng và chuẩn hóa quy trình làm việc. Kết quả đạt được rất rõ ràng: năng suất lưu hóa tăng 25%, thời gian lưu hóa giảm từ 8 phút xuống còn 6 phút, trong khi chi phí lao động giảm tới 25%.

Những con số này không chỉ mang lại lợi ích kinh tế trực tiếp mà còn giúp doanh nghiệp nâng cao năng lực đáp ứng đơn hàng, tăng mức độ hài lòng của khách hàng và củng cố vị thế trên thị trường.



***Ngày càng nhiều doanh nghiệp ngành cao su áp dụng các công cụ cải tiến năng suất, trong đó có Lean***

Hay tại Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long - doanh nghiệp có quy mô lớn trong sản xuất các loại mũ cao su như SVR CV 50, SVR CV 60, SVR 3L, SVR 5, SVR 10, mũ ly tâm và mũ tờ RSS,... cũng đạt được những kết quả tích cực khi áp dụng công cụ Lean vào sản xuất. Với đặc thù sản xuất liên tục, khối lượng lớn, việc tổ chức lao động và dòng chảy vật tư đóng vai trò quyết định đến hiệu quả chung của toàn nhà máy.

Sau khi triển khai Lean, Cao su Bình Long đã cải tiến bố trí mặt bằng, rút ngắn quãng đường di chuyển của công nhân, chuẩn hóa thao tác và giảm thời gian chờ đợi trong sản xuất. Nhờ đó, năng suất lao động tăng 11,11%, quãng đường di chuyển của công nhân giảm 0,8 mét cho mỗi chu trình làm việc, chi phí lao động giảm 11,1%. Hiện các sản phẩm của Cao su Bình

Long được xuất khẩu sang nhiều thị trường khó tính như Đức, Canada, Hà Lan, Thụy Điển, Slovenia, Tây Ban Nha, Hoa Kỳ, Pháp, Ấn Độ, Đài Loan, Trung Quốc, Thái Lan,...

Các chuyên gia năng suất đánh giá, áp dụng công cụ cải tiến, đặc biệt là Lean, đang trở thành hướng đi phù hợp đối với nhiều doanh nghiệp ngành cao su trong giai đoạn hiện nay. Những cải tiến này không chỉ giúp doanh nghiệp nâng cao năng suất, tiết giảm chi phí mà còn góp phần đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường quốc tế. Đồng thời, việc nhân rộng các mô hình điếm về cải tiến năng suất cũng sẽ là nền tảng quan trọng để doanh nghiệp ngành cao su Việt Nam từng bước khẳng định vị thế, vươn xa hơn trên thị trường toàn cầu.

*Nguồn: Vietq.vn*